

TR- ỜNG ĐHDL HẢI PHÒNG

Tên đề tài: **Phát triển du lịch Văn hoá của tỉnh Hà Nam**

Ng- ời thực hiện : *L- ờng Thị Tố Uyên*

Giáo viên h- ớng dẫn : *TS Trần Đức Thanh*

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TR- ỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 - 2008

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: VĂN HOÁ DU LỊCH

Sinh viên : **L- ơng Thị Tố Uyên**

Ng- ười h- ớng dẫn : **PGS.TS. Trần Đức Thanh**

Hải Phòng - 2009

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TR- ỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

PHÁT TRIỂN DU LỊCH VĂN HOÁ CỦA TỈNH HÀ NAM

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: VĂN HOÁ DU LỊCH**

Sinh viên : **L- ơng Thị Tố Uyên**
Ng- ười h- ớng dẫn : **PGS.TS. Trần Đức Thanh**

Hải phòng - 2009

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TR- ỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên : **L- ơng Thị Tố Uyên**

Mã số : **090371**

Ngành : **Văn hoá du lịch**

TÊN ĐỀ TÀI: PHÁT TRIỂN DU LỊCH VĂN HOÁ CỦA TỈNH HÀ NAM

Hải Phòng. 2009

LỜI CẢM ƠN!

Kính th- a các thầy cô giáo!

Vậy là qua 4 năm ngồi trên ghế nhà tr- ờng, đ- ọc sự giúp đỡ tận tình của các thầy cô giáo cùng với sự nỗ lực của bản thân và qua những chuyến đi thực tế ở Thái Nguyên, Huế...đặc biệt qua thời gian thực tập vừa qua em đã đúc kết đ- ọc những kinh nghiệm để hoàn thành bài luận văn này.

Để có đ- ọc kết quả nh- ngày hôm nay, em xin gửi lời cảm ơn chân thành tới:

Tiến sĩ: Trần Đức Thanh – Tr- ởng khoa Du lịch tr- ờng Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn

Các thầy cô giáo khoa Văn hoá Du lịch tr- ờng ĐHDL Hải Phòng.

Ban giám đốc, các cô chú, anh chị Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch Hà Nam đã tạo điều kiện thuận lợi giúp em hoàn thành bài luận văn này. Và chắc chắn rằng bài luận văn của em còn nhiều thiếu sót vì vậy em kính mong các thầy cô giáo đóng góp ý kiến để bài luận văn của em đ- ọc hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, Ngày 15 tháng 6 năm 2009

SINH VIÊN THỰC HIỆN

Ông Thị Tố Uyên

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài	1
2. Mục đích nghiên cứu.....	2
3. Đối t- ợng và phạm vi nghiên cứu	2
4. Ph- ơng pháp nghiên cứu	2
5. Bố cục khóa luận	2

NỘI DUNG

CH- ƠNG 1: CỞ SỞ LÝ LUẬN VỀ DU LỊCH VĂN HOÁ	3
1.1. Khái niệm	3
1.1.1. Văn hoá	3
1.1.2. Du lịch văn hoá - văn hoá du lịch	5
1.1.3. Sản phẩm văn hoá và văn hoá du lịch.....	6
1.2. Mối tác động qua lại giữa du lịch và văn hoá	9
1.3. Ý nghĩa của sự phát triển văn hoá	11
1.4. Các điều kiện phát triển du lịch văn hoá	13
1.4.1. Điều kiện chung	13
1.4.2. Điều kiện riêng.....	16
1.4.3 Điều kiện sẵn sàng đón tiếp.....	19
1.4.4. Điều kiện môi tr- ờng văn hoá	21
CH- ƠNG2: ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN DU LỊCH VĂN HOÁ CỦA TỈNH HÀ NAM	22
2.1. Tài nguyên du lịch nhân văn	22
2.1.1. Đánh giá chung về tài nguyên du lịch nhân văn của tỉnh HN ...	22
2.1.2. Di tích lịch sử văn hoá	22
2.1.3. Di tích khảo cổ học	26
2.1.4. Đặc sản ẩm thực	27

2.1.5. Làng nghề thủ công truyền thống.....	30
2.1.6. Lễ hội truyền thống	31
2.1.7. Ca nhạc truyền thống	35
2.1.7. Phong tục tập quán	38
2.2. Thực trạng phát triển du lịch ở Hà Nam	40
2.2.1. Cơ sở vật chất kỹ thuật – hạ tầng kỹ thuật.....	40
2.2.2. Mạng l- ới kinh doanh du lịch	43
2.2.3. Nguồn nhân lực trong du lịch	43
2.2.4. Kết quả của doanh thu du lịch và khách du lịch	44
2.3. Nhận xét chung về thực trạng hoạt động du lịch Hà Nam hiện nay	45
2.3.1. Ưu điểm	45
2.3.2. Nh- ợc điểm	45
2.3.3. Nguyên nhân	46
CH- ƠNG 3: NHỮNG GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH CỦA TỈNH HÀ NAM	47
3.1. Mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm phát triển du lịch của tỉnh Hà Nam	47
3.1.1. Những khó khăn thách thức đặt ra trong quá trình phát triển du lịch của tỉnh Hà Nam.....	47
3.1.2. Quan điểm và mục tiêu phát triển DL Hà Nam từ nay đến năm 2012.....	49
3.1.3. Nhiệm vụ trọng tâm	50
3.2. Những giải pháp chủ yếu để phát triển du lịch của Hà Nam.....	51
3.2.1 Đầu t- xây dựng.....	51
3.2.2 Quản lý Nhà n- ớc về du lịch	53
3.2.3. Quảng bá tuyên truyền và xúc tiến du lịch	54
3.2.4. Đào tạo nguồn nhân lực du lịch	55
3.2.5. Công tác chỉ đạo lãnh đạo của các cấp, các ngành	56
3.3. Tổ chức thực hiện và kiến nghị	57
3.3.1. Tổ chức thực hiện	57
3.3.2. Một số ý kiến đề nghị.....	58

KẾT LUẬN

TÀI LIỆU THAM KHẢO

PHỤ LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Việt Nam là một quốc gia đang phát triển, trong đó ngành du lịch đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Là một quốc gia có truyền thống lịch sử lâu đời, truyền thống văn hoá, phong tục tập quán độc đáo và đa dạng ở mỗi vùng miền, vì vậy phát triển du lịch văn hoá đang trở thành thế mạnh của Việt Nam.

Hà Nam là một tỉnh có vị trí thuận lợi, nằm giữa trung tâm của vùng du lịch Bắc Bộ, nằm trên tuyến du lịch xuyên Việt đặc biệt là ở ngay cửa ngõ phía Nam của Hà Nội. Đây cũng là nơi có nguồn tài nguyên du lịch khá phong phú và đa dạng, một miền đất văn hiến. Đất và con người Hà Nam làm nên những kỳ tích còn in đậm mãi trong những trang sử hào hùng của dân tộc. Với những điều kiện thuận lợi đó, du lịch Hà Nam đặc biệt là du lịch Văn hoá có một tiềm năng khá lớn để phát triển.

Tuy nhiên cho đến nay du lịch Hà Nam nói chung, du lịch văn hóa Hà Nam nói riêng còn rất yếu so với các tỉnh lân cận. Từ thực tiễn đó đòi hỏi du lịch Hà Nam phải có một chiến lược, sách lược phát triển phù hợp với tình hình phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh và định hướng phát triển du lịch của Việt Nam.

Trước thực tế đó, để phát huy thế mạnh về TNDL văn hóa góp phần thúc đẩy du lịch “*Phát triển du lịch văn hóa Hà Nam*” là một hướng đi cần thiết.

2. Mục đích nghiên cứu

Mục đích góp phần phát triển du lịch Hà Nam.

Phát triển du lịch văn hoá của Hà Nam góp phần phát huy các giá trị văn hoá của Hà Nam trong phát triển du lịch cũng như nâng cao nhận thức của con người về các giá trị văn hoá, góp phần bảo tồn, tôn tạo khai thác có hiệu quả các giá trị văn hoá cho phát triển du lịch nói chung và du lịch văn hoá nói riêng của tỉnh Hà Nam.

3. Nhiệm vụ của đề tài

Tổng hợp thống kê các số liệu, tài liệu thu thập đ- ợc.

Điều tra khảo sát thực tế, khảo sát một số điểm du lịch tiêu biểu, các trương trình du lịch đã có ở Hà Nam.

Phân tích các điều kiện phát triển Du lịch Văn hóa của tỉnh Hà Nam (TNDL, CSHT, Nguồn nhân lực, Doanh thu du lịch...).

Đề xuất một số giải pháp phát triển du lịch Văn hóa của Hà Nam cũng nh- đưa ra một số kiến nghị.

4. Đối t- ơng và phạm vi nghiên cứu

Điều kiện phát triển du lịch Văn hóa của tỉnh Hà Nam

Phạm vi nghiên cứu đ- ợc giới hạn trong phạm vi lãnh thổ của tỉnh Hà Nam. Thời gian là các số liệu thống kê 2004- 2008.

5. Ph- ơng pháp nghiên cứu

Ph- ơng pháp chính là thu thập và sử lý số liệu, chủ yếu là các tài liệu từ Sở Văn hóa thể thao và Du lịch của tỉnh Hà Nam.

6. Nội dung khoá luận

Ngoài phần mở đầu, kết luận, Tài liệu tham khảo, Phụ lục, Nội dung chính gồm có 3 ch- ơng

Ch- ơng 1. Cơ sở lý luận về phát triển loại hình du lịch văn hoá

Ch- ơng 2. Các điều kiện phát triển loại hình du lịch văn hoá của tỉnh Hà Nam

Ch- ơng3. Các giải pháp phát triển du lịch văn hoá ở Hà Nam

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ DU LỊCH VĂN HOÁ

1.1 Khái niệm

1.1.1 Văn hoá

Từ “văn hoá” (tiếng Latinh có nghĩa là trồng trọt) khởi đầu có nghĩa là vỡ đất, chăm bón đất đai trong lao động nông nghiệp. Như vậy, nguồn gốc của từ văn hoá có liên quan đến lao động, hoạt động của con người trong cải tạo tự nhiên.

Theo UNESCO nhìn nhận “Văn hoá” với ý nghĩa rộng rãi nhất của từ này. Đó là một phức thể, một tổng thể các đặc trưng diện mạo về tinh thần, về vật chất, trí thức và tình cảm...Khắc hoạ nên bản sắc của một cộng đồng, gia đình, xóm làng, vùng miền, quốc gia, xã hội...Văn hoá không chỉ bao gồm nghệ thuật, văn chương mà cả những lối sống, những quyền cơ bản của con người, những hệ thống giá trị, những truyền thống tín ngưỡng.

Có những di sản văn hoá hữu thể: Đình, đền, chùa. Miếu, mạo, lăng, mộ, nhà sàn...

Có những di sản văn hoá vô hình bao gồm các biểu tượng trưng và không sờ thấy được của văn hoá được lưu truyền và biến đổi qua thời gian với một quá trình tái tạo, “trùng tu” của cộng đồng rộng rãi... Những di sản văn hoá tạm gọi là vô hình này là: Lễ hội, ca múa nhạc truyền thống, ngôn ngữ truyền miệng, phong tục tập quán, cách nấu ăn và các món ăn...Các di sản văn hoá hữu thể và vô hình gắn bó hữu cơ với nhau lồng vào nhau nh- thân xác và tâm trí con người.

Cách hiểu “Văn hoá” theo nghĩa hẹp của UNESCO:

“Văn hoá” là tổng thể những hệ thống biểu trưng (ký hiệu) chi phối cách ứng xử và sự giao tiếp trong một cộng đồng, khiến cộng đồng có đặc thù riêng. Có lẽ cũng nhấn mạnh thêm: Văn hoá bao gồm hệ thống những giá trị để đánh giá một sự việc, một hiện tượng (đẹp hay xấu, đạo đức hay vô luân, phải hay trái, đúng hay sai...) theo cộng đồng ấy.

Dù có nhiều định nghĩa khác nhau nhưng nhìn chung văn hoá trước hết phải có tính hệ thống, mọi hiện tượng sự kiện thuộc nền văn hoá đều có liên

quan mật thiết với nhau, đây là đặc tr- ng thứ nhất của văn hoá. Đặc tr- ng quan trọng thứ hai của văn hoá là tính giá trị. Trong từ văn hoá thì “Văn” có nghĩa là vẻ đẹp (bằng giá trị). Văn hoá có nghĩa là trở thành đẹp, thành có giá trị. Văn hoá chỉ chứa cái đẹp, chứa cái giá trị, nó là th- ớc đo mức độ nhân bản của con ng- ời.

Các giá trị văn hoá theo mục đích có thể chia thành giá trị vật chất (phục vụ cho nhu cầu vật chất) và giá trị tinh thần (phục vụ cho nhu cầu tinh thần). Theo ý nghĩa có thể chia thành giá trị sử dụng, giá trị đạo đức và giá trị phẩm mỹ (chân- thiện – mỹ). Các giá trị đạo đức và giá trị phẩm mỹ đều thuộc giá trị tinh thần, giá trị tinh thần còn bao gồm các t- t- ờng có giá trị sử dụng (khoa học, giáo dục...) trong đó cả bản thân cách thức sáng tạo ra các giá trị mà qua kinh nghiệm ngàn đời con ng- ời đã tích lũy đ- ợc. Theo thời gian có thể phân biệt các giá trị vĩnh cửu và giá trị nhất thời. Trong các giá trị nhất thời lại phân biệt giá trị lỗi thời, giá trị hiện hành, giá trị đang hình thành.

Đặc tr- ng thứ ba của văn hoá là tính nhân sinh. Văn hoá là một hiện t- ợng xã hội, là sản phẩm hoạt động thực tiễn của con ng- ời. Văn hoá đối lập với tự nhiên, nó là cái tự nhiên đã được biến đổi d- ới tác động của con ng- ời, là phần giao giữa tự nhiên và con ng- ời. Đặc tr- ng này phép phân biệt loài ng- ời sáng tạo với loài vật bản năng, phân biệt văn hóa với giá trị tự nhiên ch- a mang dấu ấn sáng tạo do con ng- ời. Do gắn liền với con ng- ời và hoạt động của con ng- ời trong xã hội, văn hoá đã trở thành công cụ giao tiếp quan trọng.

Đặc tr- ng thứ t- của văn hoá là tính lịch sử. Văn hoá bao giờ cũng hình thành trong một quá trình và đ- ợc tích lũy qua nhiều thế hệ. Tính lịch sử tạo cho văn hoá một bề dày, một chiều sâu và chính nó buộc văn hoá th- ờng xuyên tự điều chỉnh, tiến hành phân loại và phân bố lại các giá trị.

Truyền thống văn hoá đ- ợc tôn thờ nhờ giáo dục. Nhờ đó văn hoá đóng vai trò quyết định trong việc hình thành nhân cách con ng- ời. Trên đây là những đặc tr- ng cơ bản của văn hoá, dựa vào chúng có thể đ- a ra một định nghĩa văn hoá nh- sau:

Văn hoá là một hệ thống hữu cơ các giá trị vật chất và tinh thần do con ng- ời sáng tạo và tích lũy qua quá trình hoạt động thực tiễn trong sự t- ờng tác

giữa con ng- ời với môi tr- ờng tự nhiên và xã hội mình.” Đ/n Trần Ngọc Thêm- cơ sở Văn hóa VN T10”

1.1.2 Du lịch văn hoá- Văn hoá du lịch

“Văn hoá du lịch” là toàn bộ thể ứng xử của những ng- ời quản lý và kinh doanh du lịch, của khách du lịch và những ng- ời có liên quan (nh- cộng đồng dân c- địa ph- ơng, những ng- ời có tác động trực tiếp, gián tiếp tới hoạt động du lịch...) với nhau và với tài nguyên và môi trường du lịch, đồng thời là các hoạt động nhằm tạo nên môi tr- ờng không gian văn hoá tại các tuyến, điểm, khu du lịch của ng- ời kinh doanh và quản lý du lịch, làm hài lòng ng- ời tiêu dùng du lịch (khách du lịch) tại điểm đến du lịch. “ Đ/n Đinh trung kiên - Bài giảng môn học số 20 –Văn hóa quản lý và kinh doanh du lịch”

Văn hoá du lịch còn là việc thể hiện bản sắc văn hoá của một dân tộc, một cộng đồng dân c- hay một vùng, một khu vực địa lý nhất định trong hoạt động du lịch của những ng- ời làm du lịch (cả ng- ời quản lý và kinh doanh du lịch) một cách vừa khái quát vừa cụ thể qua việc làm nhằm tạo cho du lịch các giá trị đặc sắc riêng biệt.

Du lịch văn hoá là một loại hình du lịch dựa trên tài nguyên du lịch là các giá trị văn hoá của một quốc gia, đó là các giá trị văn hoá vật thể và giá trị văn hoá phi vật thể. Du lịch văn hoá cũng mang trong nó tính chất nhất định của du lịch, đó là sự tham gia t- ơng trợ của bốn nhóm nhân tố với mỗi nhóm đều có mục đích khác nhau. Song bên cạnh đó, du lịch văn hoá còn mang những đặc tr- ng riêng của nó. Tr- ớc tiên đó là sự đặc tr- ng về tài nguyên. Tài nguyên là nhân tố đầu tiên quyết định đến việc xây dựng một ch- ơng trình du lịch văn hoá là những điểm văn hoá đặc tr- ng của một vùng hay quốc gia.

Nh- vậy bản thân của du lịch văn hoá cũng mang những nét đặc tr- ng cụ thể. Du lịch văn hoá cũng nh- các loại hình du lịch kinh doanh khác nó không tồn tại độc lập mà nó luôn nằm trong hệ thống hữu cơ các ngành nghề, các đơn vị kinh doanh. Hơn thế nữa nó càng đòi hỏi sự liên kết, gắn bó chặt chẽ hơn bởi tính đặc thù của nó, vì du lịch và văn hoá luôn có mối quan hệ mật thiết. Văn hoá là tài nguyên, là nguồn lực quan trọng của du lịch, văn hoá là nguyên nhân phát sinh nhu cầu du lịch và chuyên khảo một đối t- ợng văn hoá cụ thể và

ch-ong trình du lịch văn hoá tham quan dành cho những du khách có nhu cầu th-ởng thức các giá trị văn hoá theo các cấp độ tiếp cận khác nhau và không mang mục đích nghiên cứu.

Việc phát triển du lịch văn hoá cũng nh- phát triển du lịch nói chung mang một ý nghĩa rất quan trọng. Nếu phát triển tốt du lịch văn hoá thì có thể góp phần khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống, tạo việc làm cho dân c- địa ph-ong, thu hút vốn đầu t- của n- ớc ngoài. Du lịch văn hoá là một trong những lĩnh vực xuất khẩu tại chỗ có hiệu quả cao, tăng l-ong ngoại tệ cho đất n- ớc. Phát triển du lịch văn hoá là góp phần mở rộng, củng cố quan hệ quốc tế, tăng c- ờng tình đoàn kết, hữu nghị giữa các dân tộc, đồng thời giúp các quốc gia giảm bớt sức ép của các trung tâm đô thị. Ngoài ra, sự phát triển của du lịch văn hoá còn góp phần khai thác các di sản văn hoá dân tộc, bảo vệ môi tr- ờng tự nhiên xã hội, đồng thời cũng là nơi tạo ra nguồn kinh phí tốt nhất để bổ xung, bảo vệ phát triển các di sản văn hoá, thực hiện phát triển du lịch bền vững. Do vị trí quan trọng và nhiều ý nghĩa quan trọng về mặt kinh tế- xã hội mà Đảng và nhà n- ớc ta đã chủ ch-ong phát triển du lịch văn hoá t-ong xứng với tiềm năng về du lịch văn hoá sẵn có của đất n- ớc theo h- ớng du lịch – Văn hoá- sinh thái- môi tr- ờng xây dựng các khu du lịch hấp dẫn về văn hoá về di tích lịch sử, về các danh lam thắng cảnh, huy động các nguồn lực tham gia kinh doanh du lịch, -u tiên xây dựng kết cấu hạ tầng tại các khu du lịch tập trung và các trung tâm du lịch lớn. Với tiềm năng to lớn về du lịch văn hoá nh- vậy, cần có sự quản lý, đảm bảo của nhà n- ớc để phát triển du lịch theo đúng h- ớng và xứng tầm với tiềm năng của chúng.

1.1.3 Sản phẩm văn hoá và sản phẩm du lịch văn hoá

Một trong những nền tảng cơ bản nhất để xã hội phát triển đ- ợc xác định là văn hoá. Nền tảng văn hoá, từ lâu đã trở thành một động lực đặc biệt quan trọng là cơ sở cho sự phát triển toàn diện lâu dài của quốc gia và dân tộc. Trên nền tảng đó, các sản phẩm văn hoá hình thành và đồng hành cùng các hoạt động kinh tế- xã hội. Sản phẩm văn hoá càng đặc sắc, độc đáo, có giá trị phổ quát thì càng đóng góp vào sự phát triển của xã hội.

Trong hoạt động du lịch, sản phẩm văn hoá nói riêng, giá trị văn hoá nói chung có vai trò đặc biệt quan trọng, vai trò quyết định sự hình thành sản phẩm du lịch văn hoá- loại sản phẩm văn hoá mang dấu ấn truyền thống và nhân văn của dân tộc hay nhân loại.

Sản phẩm văn hoá và sản phẩm văn hoá du lịch có những điểm chung sau đây:

Một là: Sản phẩm văn hoá và sản phẩm du lịch đều có “nguyên liệu” quan trọng và cơ bản nhất để hình thành, để đi- ợc xây dựng và đi- a vào phục vụ đời sống kinh tế- xã hội- văn hoá. Cả sản phẩm văn hoá và sản phẩm du lịch văn hoá đều cần đến các giá trị truyền thống và hiện đại, dân tộc và nhân loại. Các giá trị văn hoá ấy càng phong phú, càng giàu bản sắc, càng độc đáo thì khả năng tạo nên các sản phẩm văn hoá và sản phẩm du lịch văn hoá có sức hấp dẫn càng cao. Một quốc gia, một dân tộc, một cộng đồng dân c- làm nên và bảo tồn các giá trị văn hoá, các thành tựu văn hoá đa dạng, đặc sắc sẽ là điều kiện rất quan trọng để phát triển cùng sản phẩm có chất l- ợng cao và độc đáo, cùng với sự đa dạng sản phẩm văn hoá và sản phẩm du lịch văn hoá.

Hai là: Cả hai sản phẩm này vừa hữu hình vừa vô hình đi- ợc đi- a ra thị tr- ờng và khó có thể đánh giá chất l- ợng một cách đơn giản bằng định l- ợng. Giá trị của sản phẩm văn hoá và sản phẩm du lịch văn hoá không thể chỉ đi- ợc đo bằng giá cả mà v- ợt qua cả giá cả. Một lễ hội, một sự kiện văn hoá nghệ thuật, diễn xướng...chỉ có thể xác định sản phẩm bằng định tính. Nhưng đồ lưu niệm lại có hình hài cụ thể. Cũng nh- vậy một sản phẩm du lịch văn hoá chứa đựng các yếu tố văn hoá chỉ có thể đi- ợc xây dựng, bán và sử dụng các sản phẩm cụ thể chứa đựng yếu tố văn hoá nh- đồ thủ công truyền thống của làng nghề, những món ăn đặc sản dân tộc độc đáo và hấp dẫn...Thậm chí, tà áo dài duyên dáng truyền thống phụ nữ Việt Nam in dấu ấn văn hoá khi đi- ợc khai thác trong các hoạt động du lịch để tạo sản phẩm du lịch, sản phẩm dịch vụ du lịch thì sản phẩm đó đi- ợc coi là sản phẩm du lịch văn hoá.

Ba là: Sản phẩm văn hoá và sản phẩm du lịch văn hoá đều chỉ có thể đánh giá chất l- ợng sau khi đã sử dụng. Dù tự khám phá, tự th- ờng thức sản phẩm hay có ng- ời h- ớng dẫn phục vụ thì khi đi- ợc giao dịch, đi- ợc mua bán khách hàng

th- ờng phải hình dung về sản phẩm và chất l- ợng của nó chứ ch- a thể biết đầy đủ hay khá đầy đủ nh- mộ sản phẩm thông th- ờng khác. Mua vé tham quan một lễ hội, một bảo tàng, một ch- ơng trình biểu diễn du lịch, một dịch vụ du lịch...khách du lịch chỉ có thể tin vào sự quảng bá của người bán. Trong thực tế, chất l- ợng sản phẩm văn hoá và sản phẩm du lịch văn hoá phụ thuộc không chỉ là các tài nguyên nhân văn – nền tảng cơ bản để tạo nên sản phẩm - mà còn phụ thuộc rất nhiều vào yếu tố khác nh- việc tổ chức quản lý, chất l- ợng và số l- ợng dịch vụ, phẩm chất và năng lực của đội ngũ những ng- ời làm việc. Do đó, sản phẩm văn hoá và sản phẩm du lịch văn hoá gắn liền với cả một quá trình hoạt động và đội ngũ những ng- ời tham gia làm nên nó,

Điều rất rõ là sản phẩm văn hoá và sản phẩm du lịch văn hoá có khá nhiều sự khác biệt rõ rệt. Sản phẩm du lịch văn hoá vừa có thể chứa đựng các giá trị văn hoá, các thành tựu văn hoá vừa có thể chứa đựng ngay cả các sản phẩm văn hoá trong nó. Làng nghề thủ công truyền thống của Việt Nam là sản phẩm văn hoá nh- ng đ- ợc khai thác cho việc xây dựng cho các ch- ơng du lịch làng nghề - làng quê. Mặt khác, mỗi sản phẩm của làng nghề thủ công truyền thống cũng đ- ợc sử dụng làm đồ l- u niệm cho khách và do đó nó trở thành một sản phẩm văn hóa cụ thể.

Khác với sản phẩm văn hóa, sản phẩm du lịch văn hoá còn chứa đựng trong đó yếu tố dịch vụ vì trong bản chất, du lịch là kinh tế dịch vụ, là ngành "công nghiệp không khói". Sản phẩm du lịch văn hoá ở bất cứ địa phương, hay quốc gia, dân tộc nào th- ờng chỉ khai thác phần hấp dẫn khách nhất trong kho tàng văn hoá đồ sộ, có khả năng bán đ- ợc cho khách càng nhiều càng tốt.

Sản phẩm du lịch văn hoá nh- đã trình bày, đ- ợc hình thành tồn tại và phát triển hay lụi tàn ở những địa ph- ơng, những dân tộc, những quốc gia có các giá trị văn hoá đa dạng đặc sắc đang đ- ợc khai thác và biết khai thác có hiệu quả. Chính vì vậy Việt Nam đang trong quá trình phát triển kinh tế-xã hội với rất nhiều yếu tố và yêu cầu cơ bản cần có mà du lịch là một ngành kinh tế đặc thù bởi nó chứa đựng các yếu tố văn hoá truyền thống và hiện đại, dân tộc và nhân loại. Muốn phát triển kinh tế- xã hội bền vững thì không thể không phát triển du lịch. Ở một n- ớc nh- Việt Nam với 54 dân tộc giàu bản sắc văn hoá,

với truyền thống nghìn x- a hội tụ và hỗn dung có chọn lọc bởi thời gian và cuộc sống, việc phát triển loại hình du lịch văn hoá, xây dựng các sản phẩm du lịch văn hoá độc đáo và có khả năng cạnh tranh cao trong khu vực Đông Nam á và Châu Á - Thái Bình D- ong cả hiện tại và t- ong lai. Thế mạnh của du lịch Việt Nam là du lịch văn hóa và du lịch sinh thái nh- các nghị quyết của đại hội ĐCSVN lần thứ VIII, IX, X đã xác định. Khoảng 15 năm tr- ớc Đỗ Hoàng Toàn có nhận xét đúng rằng “sẽ không thể hiểu đ- ợc nếu tách rời văn hoá với du lịch mà có thể đem lại hiệu quả cao cho du lịch” Du lịch ở Huế, ở Quảng Nam , Hà Tây.... sẽ khó mà phát triển nếu không có đ- ợc các di sản văn hoá, nếu không khai thác có hiệu quả các giá trị văn hoá mà các thế hệ của Việt Nam đã tạo dựng nên và l- u giữ đến nay. Sản phẩm văn hoá chỉ có thể mang lại lợi ích lâu bền cho xã hội nếu đ- ợc sử dụng có hiệu quả và khoa học. Ng- ợc lại, một xã hội phát triển bền vững là xã hội dựa vững chắc vào nền tảng văn hoá, vào cội nguồn dân tộc mà sản phẩm văn hoá vừa là nguyên nhân vừa là kết quả của sự phát triển đó. Cũng vì thế, sản phẩm du lịch văn hoá vừa là nền tảng cho sự phát triển du lịch ở Việt Nam vừa là kết quả của sự phát triển kinh tế - xã hội, kết quả của quá trình khai thác các sản phẩm văn hoá Việt Nam.

Từ những nhận định trên, dựa vào chúng có thể đ- a ra đ- ợc định nghĩa cơ bản về sản phẩm du lịch văn hoá nh- sau: “Sản phẩm du lịch văn hoá là các sản phẩm văn hoá và các dịch vụ cần thiết nhằm thoả mãn nhu cầu của khách tham gia du lịch văn hoá hoặc các loại hình du lịch khác có kết hợp với du lịch văn hoá.”

1.2 Mối tác động qua lại giữa du lịch và văn hoá

Rất khó có thể đề cập đầy đủ được việc tách văn hoá để phân tích mối quan hệ giữa nó và du lịch. Hầu nh- không có ranh giới rõ rệt giữa văn hoá và các lĩnh vực khác trong xã hội. Văn hoá thể hiện ở tác phong, thái độ khi tiếp xúc của một cá thể hay cộng đồng khi tiếp xúc với môi tr- ờng xung quanh.

- Ảnh h- ớng của văn hoá đến du lịch

Các đối t- ợng du lịch văn hoá đ- ợc coi là tài nguyên du lịch hấp dẫn nếu nh- tài nguyên thiên nhiên hấp dẫn khác bởi sự hoang sơ độc đáo và hiếm hoi của nó thì tài nguyên du lịch nhân văn thu hút khách bởi tính phong phú đa dạng,

độc đáo và tính truyền thống cũng nh- tính địa ph- ơng của nó. Các đối t- ơng văn hoá - tài nguyên du lịch nhân văn - là cơ sở để tạo nên các loại hình du lịch văn hoá phong phú. Mặt khác, nhận thức văn hoá còn là yếu tố thúc đẩy động cơ du lịch của du khách. Nh- vậy xét d- ới góc độ thị tr- ờng thì văn hoá vừa là yếu tố cung cấp góp phần hình thành yếu tố nhu cầu của hệ thống du lịch.

Các sản phẩm văn hoá nh- tranh vẽ, điêu khắc, tượng nặn...Tạo nên một động lực thúc đẩy du lịch quan trọng. Tranh Đông Hồ, Tranh lụa, là sản phẩm du lịch mà khách du lịch rất - a thích. Ng- ời đi nghỉ biển th- ờng tìm mua một số tác phẩm nghệ thuật đ- ợc làm bằng chất liệu có từ biển hoặc mô phỏng cuộc sống vùng biển. Trình diễn dân ca và các loại hình văn nghệ truyền thống cũng nh- hiện đại cũng là một biểu hiện của văn hoá. Tại một số n- ớc, nền văn hoá âm nhạc là nguồn chủ yếu để làm hài lòng và gây sự tò mò đối với du khách. Điệu nhảy dân tộc tạo nên sức cuốn hút, lôi cuốn mạnh mẽ của một nền văn hoá đối với du khách. Các buổi biểu diễn khu vực, các tr- ờng trình công cộng cũng tạo nên nhiều cơ hội mới để duy trì và phát huy truyền thống văn hoá dân tộc. Việc quan tâm đến ngôn ngữ của một dân tộc hay một quốc gia khác là một động lực thúc đẩy du lịch. N- ớc Pháp không chỉ thu hút khách bởi cảnh đẹp thiên nhiên, bãi biển chan hoà ánh nắng, các công trình kiến trúc đẹp mà còn bởi các tác phẩm kiệt xuất nổi tiếng Pháp. Các ch- ơng trình du lịch - học tập là những kinh nghiệm đặc biệt có giá trị. Tiếp thu những chỉ dẫn bằng ngoại ngữ ở n- ớc ngoài có thể kết hợp với ch- ơng trình giảng dạy du lịch - học tập toàn diện.

Tôn giáo cũng để lại nhiều dấu ấn mạnh mẽ trong du lịch. Những ng- ời theo đạo sẽ tìm đ- ợc sự yên tâm khi đến một n- ớc mà có tôn giáo của họ. Họ cũng nhận đ- ợc sự đồng cảm của ng- ời dân có tôn giáo. Bởi vậy tôn giáo cũng có một hình thức văn hoá cuốn hút du khách.

- Ảnh h- ớng của du lịch đến văn hoá

Ảnh h- ớng của du lịch đ- ợc xét trên hai mặt đó là mặt tích cực và tiêu cực.

Do có sự đầu t- cho du lịch nên các di tích lịch sử, các lễ hội truyền thống.. đ- ợc bảo tồn và phát huy. Bên cạnh đó, do sự du nhập giao l- u giữa du khách và ng- ời dân địa ph- ơng nên nhiều mối quan hệ đ- ợc mở rộng, ng- ời dân đ- ợc tiếp xúc với nhiều lối sống văn minh hơn.

Một trong các chức năng của du lịch là giao lưu văn hoá cộng đồng. Khi đi du lịch, du khách luôn muốn được thâm nhập vào các hoạt động văn hoá của địa phương. Song nhiều khi sự xâm nhập với mục đích chính đáng bị lạm dụng và sự thâm nhập biến thành sự thâm hại. Ai đến SaPa cũng muốn đi chợ tình, song chợ tình Sapa, một nét văn hoá truyền thống của đồng bào dân tộc đang bị du khách tò mò ít văn hoá xâm hại bằng những cử chỉ thô bạo như rọi đèn vào cặp tình nhân, lật nón các thanh nữ để xem mặt, trêu gọi... Mặt khác do thị hiếu của du khách, vì lợi ích kinh tế to lớn trước mắt nên một số hoạt động văn hoá bị trình chiếu một cách tự nhiên, mang ra làm trò chơi cho du khách. Như vậy giá trị văn hoá đích thực của một cộng đồng, đáng lý phải được trân trọng lại bị đem ra làm trò tiêu khiển, mua vui cho du khách. Giá trị truyền thống dần bị lu mờ do sự lạm dụng về mục đích kinh tế.

Do chạy theo số lượng, không ít mặt hàng truyền thống được chế tác lại để làm đồ lưu niệm cho du khách sản xuất cầu thả đã làm méo mó giá trị chân thực của truyền thống.

Một trong những xu hướng thường thấy ở các nước nghèo đón khách từ các nước giàu là người dân bản xứ, nhất là giới trẻ ngày càng chối bỏ truyền thống và thay đổi cách sống theo một du khách.

1.3 Ý nghĩa của sự phát triển du lịch văn hoá

Sự phát triển của du lịch nói chung và du lịch văn hoá nói riêng có một ý nghĩa quan trọng cả về kinh tế xã hội đối với một vùng, một đất nước du lịch.

Ngành du lịch là ngành công nghiệp không khói có tác động tích cực đến nền kinh tế của đất nước và của một vùng thông qua việc tiêu dùng của khách du lịch. Thông qua tiêu dùng, du lịch tác động mạnh lên lĩnh vực lưu thông, và do vậy gây ảnh hưởng lớn lên những lĩnh vực khác của quá trình tái sản xuất xã hội. Kinh tế du lịch gây biến đổi lớn trong cán cân thu chi của đất nước, của vùng du lịch. Đối với du lịch quốc tế, việc khách mang ngoại tệ đến đổi và tiêu ở khu du lịch làm tăng tổng tiền trong cán cân thu chi của vùng và của đất nước. Còn đối với du lịch nội địa, việc tiêu tiền của dân ở vùng du lịch chỉ gây biến động trong cơ cấu cán cân thu chi của nhân dân theo vùng, chứ không làm thay đổi tổng số tác động của du lịch quốc tế. Trong quá trình hoạt động, du lịch đòi hỏi số

l- ợng lớn vật t- và hàng hoá đa dạng. Ngoài ra việc khách mang tiền từ nơi khác đến để tiêu ở vùng du lịch góp phần làm sống động kinh tế ở vùng du lịch và ở đất n- ớc du lịch. Du lịch góp phần huy động nguồn vốn rỗi rãi trong nhân dân vào vòng chu chuyển, vì chi phí cho hành trình du lịch là từ tiền tiết kiệm của dân.

Thông qua lĩnh vực l- u thông mà du lịch có ảnh h- ờng tích cực lên sự phát triển của nhiều ngành công nghiệp và nông nghiệp nh- : (Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, công nghiệp thực phẩm, công nghiệp gỗ, công nghiệp dệt, ngành trồng trọt, ngành chăn nuôi ...). Du lịch luôn đòi hỏi hàng hoá có chất l- ợng cao, phong phú về chủng loại, mỹ thuật và hình thức. Do vậy, du lịch góp phần định h- ớng cho sự phát triển của các ngành ấy trên các mặt: số l- ợng, chất l- ợng, chủng loại sản phẩm và việc chuyên môn hoá của các xí nghiệp trong sản xuất. ảnh h- ờng của du lịch lên sự phát triển của các ngành khác trong nền kinh tế quốc dân như: Thông tin, xây dựng, y tế, thương mại, văn hoá... cũng rất lớn: Sự sẵn sàng đón tiếp khách du lịch của một vùng không chỉ thể hiện ở chỗ những nơi đó có tài nguyên du lịch, mà bên cạnh chúng phải có cả cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống đ- ờng xá, nhà ga, sân bay, b- u điện, ngân hàng, mạng l- ới thương mại ... việc tận dụng đưa những nơi có tài nguyên du lịch vào sử dụng, kinh doanh đòi hỏi phải xây dựng ở đó hệ thống đ- ờng xá, mạng l- ới th- ơng nghiệp, bưu điện ... qua đó cũng kích thích sự phát triển tương ứng của các ngành có liên quan. Ngoài ra, du lịch phát triển còn đánh thức một số ngành sản xuất thủ công cổ truyền.

Việc phát triển du lịch sẽ tạo ra nhiều công ăn, việc làm và tạo điều kiện tăng thu nhập cho nhân dân địa ph- ơng.

Ngoài các ý nghĩa to lớn về kinh tế, du lịch còn có ý nghĩa xã hội quan trọng. Thông qua du lịch, con ng- ời đ- ợc thay đổi môi tr- ờng, có ấn t- ợng và cảm xúc mới , thoả mãn đ- ợc trí tò mò, đồng thời mở mang kiến thức, đáp ứng lòng ham hiểu biết, do đó góp phần hình thành ph- ơng h- ớng đúng đắn trong mơ - ớc sáng tạo, trong kế hoạch cho t- ơng lai của con ng- ời- khách du lịch. Du lịch tạo khả năng cho con ng- ời mở mang hiểu biết lẫn nhau, mở mang hiểu biết về lịch sử, văn hoá, phong tục tập quán, đạo đức, chế độ xã hội, kinh tế... Du lịch

còn làm giàu và phong phú thêm khả năng thẩm mỹ của con người khi họ được thăm quan các kho tàng mỹ thuật của đất nước.

Du lịch còn là phương tiện giáo dục lòng yêu nước, giữ gìn và nâng cao truyền thống dân tộc. Thông qua các chuyến đi thăm quan nghỉ mát văn cảnh... người dân có điều kiện làm quen với cảnh đẹp, với lịch sử và văn hoá dân tộc, qua đó thêm yêu đất nước mình.

Ngoài ra sự phát triển của du lịch còn có ý nghĩa lớn đối với việc góp phần khai thác, bảo tồn các di sản văn hoá dân tộc, góp phần bảo vệ phát triển môi trường thiên nhiên xã hội.

1.4 Các điều kiện phát triển du lịch văn hoá

Để phát triển du lịch nói chung và du lịch văn hoá nói riêng đòi hỏi có những điều kiện sau:

1.4.1 Điều kiện chung

Đây là một số điều kiện bắt buộc phải có đối với các nơi muốn phát triển du lịch. Những điều kiện chung quan trọng nhất đối với sự phát triển của bất kỳ thể loại du lịch nào là:

1.4.1.1 Điều kiện thời gian rảnh rỗi

Một trong các tiêu chí được xác định trong định nghĩa du lịch là chuyến đi thực hiện trong thời gian rảnh rỗi của con người (ngày nghỉ cuối tuần, kỳ nghỉ phép, thời gian rảnh rỗi có được trong chuyến công tác...) Không trong thời gian rảnh rỗi, chuyến đi của con người không thể gọi là du lịch. Lịch sử Việt Nam nói riêng, đặc biệt thực tế ở nước ta trong hai chục năm trở lại đây chứng minh cho nhận định trên.

Lịch sử ngành du lịch cho thấy những người có khả năng chi trả cho hoạt động du lịch trước tiên là tầng lớp giàu có, tiếp theo đến giới trung lưu và cuối cùng đến tầng lớp lao động. Điều này cũng xảy ra tương tự khi nói về quỹ thời gian rảnh rỗi. Công chúng bắt đầu đi du lịch khi mà người lao động được hưởng những dịp lễ và ngày nghỉ ăn uống.

Nói tóm lại, thời gian rảnh rỗi là phần thời gian ngoài giờ làm việc, trong đó diễn ra các hoạt động nhằm hồi phục và phát triển thể lực, trí tuệ tinh thần

của con ng- ời. Độ dài bình th- ờng của thời gian nhàn rỗi phụ thuộc vào đặc điểm của lực l- ợng sản xuất và quan hệ sản xuất. Nguồn quan trọng nhất làm tăng thời gian nhàn rỗi là giảm độ dài của tuần làm việc và giảm thời gian của công việc nội trợ.

1.4.1.2 Điều kiện nền kinh tế đất n- ớc

Khả năng phát triển du lịch của một n- ớc phụ thuộc rất lớn vào tình trạng nền kinh tế, vào sự phát triển của lực l- ợng sản xuất ở n- ớc đó. Điều kiện kinh tế đất n- ớc tr- ớc hết thể hiện ở:

- Cơ sở hạ tầng:

Cơ sở hạ tầng nói chung có vai trò đặc biệt đối với việc đẩy mạnh phát triển du lịch. Mạng l- ới và ph- ơng tiện giao thông là những nhân tố quan trọng hàng đầu. Du lịch gắn với sự di chuyển của con ng- ời trên một khoảng cách nhất định. Nó phụ thuộc vào mạng l- ới đ- ờng xá và ph- ơng tiện giao thông. Việc phát triển giao thông, nhất là tăng nhanh ph- ơng tiện vận chuyển ô tô cho phép mau chóng khai thác các nguồn tài du lịch mới. Chỉ thông qua mạng l- ới giao thông thuận tiện, nhanh chóng thì du lịch mới trở thành hiện t- ợng phổ biến xã hội, hoạt động kinh doanh du lịch ngày càng đ- ợc nâng cao chất l- ợng, đa dạng , ngày càng mở rộng.

Thông tin liên lạc là một bộ phận quan trọng trong cơ sở hạ tầng của hoạt động du lịch. Nó là điều kiện cần thiết để đảm bảo giao l- u cho khách du lịch trong n- ớc và quốc tế. Mạng l- ới thông tin liên lạc càng phát triển càng tạo điều kiện cho sự phát triển du lịch.

Trong cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch còn phải đề cập đến hệ thống các công trình cấp điện n- ớc. Các sản phẩm của nó phụ thuộc trực tiếp cho việc nghỉ ngơi giải trí của khách.

Nh- vậy cơ sở hạ tầng là tiền đề là đòn bẩy của mọi hoạt động kinh tế, hoạt động du lịch trong đó có cả du lịch văn hoá.

- Mức thu nhập:

Con ng- ời để có thể đi du lịch và tiêu dùng họ phải có ph- ơng tiện vật chất đầy đủ. Đó là điều kiện cần thiết để biến nhu cầu đi du lịch nói chung thành nhu cầu đi du lịch có khả năng thanh toán.

Du lịch chỉ có thể phát triển khi mức sống của con ng- ời đạt trình độ nhất định. Một trong những nhân tố then chốt là mức thu nhập thực tế, không có mức thu nhập cao khó có thể nghĩ đến việc ngời đi du lịch. Thu nhập của nhân dân là chỉ tiêu quan trọng và là điều kiện vật chất để họ có thể tham gia đi du lịch. Ng- ời ta đã xác định rằng mỗi khi thu nhập của con ng- ời tăng thì sự tiêu dùng cũng tăng theo, đồng thời có sự thay đổi về cơ cấu trong tiêu dùng du lịch. Bởi vậy mức nhập là điều kiện có ý nghĩa quan trọng trong phát triển du lịch.

1.4.1.3 Điều kiện nguồn khách

Sự phát triển của một địa ph- ơng hay một quốc gia nào tại thời điểm nào đó lại phụ thuộc rất lớn vào điều kiện nguồn khách. Đây chính là nhân tố quyết định số l- ợng khách du lịch nhiều hay ít, tăng hay giảm. Cơ cấu nguồn khách bao gồm: Thành phần dân c-, độ tuổi, giới tính, nghề nghiệp liên quan đến thị hiếu và khả năng thanh toán của khách.

Bất kỳ doanh nghiệp kinh doanh du lịch nào cũng phải xác định cho đ- ợc nguồn khách của doanh nghiệp từ đâu đến? Họ cần gì nhằm tìm ra khách hàng mục tiêu. Đây là mối quan tâm cơ bản nhất, vì khả năng của doanh nghiệp thì có hạn mà mỗi loại khách lại có những nhu cầu khác nhau. Do đó tìm ra đ- ợc những ng- ời tiêu dùng du lịch văn hoá là doanh nghiệp đã tìm ra đ- ợc mục đích của mình là kinh doanh du lịch văn hoá...Nhờ đó việc đánh giá, nắm bắt đ- ợc nhu cầu của khách giúp nhà kinh doanh tổ chức và đáp ứng đ- ợc nhu cầu của khách, thoả mãn sự mong đợi của khách hàng mục tiêu.

Nhìn chung điều kiện nguồn khách là một trong những điều kiện quan trọng quyết định sự sống còn của doanh nghiệp, vì dựa vào nó mà nhà kinh doanh có thể tìm ra khách hàng mục tiêu và thị tr- ờng mục tiêu. Đây là điều mà ai cũng phải quan tâm khi kinh doanh du lịch.

1.4.1.4 Điều kiện chính trị và an toàn xã hội

Điều kiện chính trị xã hội hoà bình ổn định là môi tr- ờng tốt cho sự phát triển của một đất n- ớc nói chung và ngành du lịch nói riêng.

Khi đi du lịch mục đích chủ yếu của họ là tìm đến những nơi có không khí trong lành để thanh thản tâm hồn hoà mình vào thiên nhiên. Do đó nhu cầu an toàn đến với bản thân họ là điều rất quan trọng.

Trong du lịch, những điều lạ lẫm có sức thu hút khách du lịch nh- ng những điều ch- a biết th- ờng gây e ngại. Khi nền văn hoá của khách du lịch và điểm du lịch càng khác biệt thì nói chung sức cản trở càng tăng lên. Ng- ời ta ngại đến những nơi không cùng ngôn ngữ, có những phong tục tập quán hoàn toàn xa lạ. Đặc biệt là những khả năng có thể gây nguy hiểm đến sức khoẻ và tính mạng của họ. Nh- vậy điều kiện chính trị và an toàn với khách là điều kiện quan trọng có tác dụng thúc đẩy hoặc kìm hãm sự phát triển của du lịch. Du lịch chỉ có thể xuất hiện và phát triển trong điều kiện hoà bình và quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc. Một nơi thiếu điều kiện an toàn thì nơi đó không đủ điều kiện phát triển du lịch vì nhu cầu du lịch là nhu cầu h- ờng thụ, đòi hỏi có sự an toàn cao. Những nơi có tình hình sau thì không điều kiện phát triển du lịch.

- Những nơi xảy ra hoạt động bạo lực vũ trang: hoặc không đảm bảo những vấn đề trật tự an toàn.

- Những nơi th- ờng xuyên xảy ra thiên tai, bệnh dịch đe dọa đến tính mạng của khách.

1.4.2 Điều kiện riêng

Là hệ thống các điều kiện cần thiết đối với từng chỗ, từng vùng hoặc đất n- ớc để phát triển du lịch, một vùng du lịch một quốc gia du lịch.

1.4.2.1 Tài nguyên du lịch tự nhiên

Các thành phần của tự nhiên có tác động mạnh nhất tới du lịch là địa hình, khí hậu, nguồn nước và tài nguyên động thực vật.

Địa hình hiện tại của bề mặt trái đất là các sản phẩm của các quá trình địa chất lâu dài (nội sinh - ngoại sinh), trong từng mực nhất định. Mọi hoạt động của con ng- ời trên lãnh thổ đều phụ thuộc vào địa hình. Đối với hoạt động du lịch, điều quan trọng nhất là đặc điểm hình thái địa hình, nghĩa là các dấu hiệu bên ngoài của địa hình và dạng đặc biệt của địa hình có sức hấp dẫn khai thác khu du lịch. Trong các dạng địa hình thì miền núi có ý nghĩa lớn nhất đối với du lịch, đặc biệt là các khu vực thuận lợi cho việc tổ chức thể thao mùa đông, các nhà an d- ỡng, các trạm nghỉ, các cơ sở du lịch, các khu vực thuận tiện cho chuyển tiếp lộ trình, các đỉnh núi cao có thể nhìn toàn cảnh và thích hợp với môn thể thao leo núi...trong tài nguyên du lịch miền núi, cùng với địa hình, khí hậu và động thực vật tạo nên tài nguyên du lịch tổng hợp có khả năng tổ chức các

loại hình du lịch ngắn ngày cũng nh- dài ngày. Ngoài các địa hình chính với các ý nghĩa phục vụ du lịch khác nhau, chúng ta cần chú ý đến các kiểu địa hình đặc biệt có giá trị rất lớn cho tổ chức du lịch - kiểu địa hình Karsto (đá vôi) và kiểu địa hình bờ bãi biển.

Khí hậu là thành phần quan trọng của môi tr- ờng tự nhiên đối với hoạt động du lịch, nó thu hút ng- ời tham gia và ng- ời tổ chức du lịch qua khí hậu sinh học. Trong các chỉ tiêu khí hậu, đáng chú ý là hai chỉ tiêu chính: nhiệt độ không khí và độ ẩm không khí. Ngoài ra còn có một số yếu tố khác nh- gió, l- ượng m- a, thành phần lý hoá của không khí, áp suất của khí quyển, ánh nắng mặt trời và các hiện t- ượng thời tiết đặc biệt.

Tài nguyên n- ớc bao gồm n- ớc chảy trên mặt và n- ớc ngầm. Đối với du lịch thì nguồn n- ớc mặt có ý nghĩa rất lớn. Nó bao gồm đại d- ơng, biển, hồ, sông, hồ nước nhân tạo, Kavsto, thác nước, suối phun....Nước được dùng chủ yếu cho các nhà tắm (thiên nhiên hay có mái che). Tùy theo thành phần lý hoá của n- ớc ng- ời ta phân n- ớc ngọt (lục địa) và n- ớc mặn (biển, một số bờ nội địa). Nhằm mục đích du lịch, n- ớc đ- ợc sử dụng tùy theo nhu cầu cá nhân, theo độ tuổi và nhu cầu quốc gia. Nói chung giới hạn nhiệt độ lớp n- ớc trên mặt tối thiểu có thể chấp nhận đ- ợc là 18⁰C đối với trẻ em là trên 20⁰C. Cùng với chỉ tiêu cơ bản trên, cần chú ý đến tần số và tính chất sóng của dòng chảy, độ sánh của n- ớc. Trong tài nguyên n- ớc, cần phải nói đến tài nguyên n- ớc khoáng, là n- ớc thiên nhiên (chủ yếu là d- ới đất) chứa một số thành phần vật chất đặc biệt (các nguyên tố hoá học, các khí, các nguyên tố phóng xạ...) hoặc một số tính chất vật lý có tác dụng sinh lý đối với con ng- ời. Đây là nguồn tài nguyên có giá trị du lịch an d- ỡng và chữa bệnh.

Tài nguyên động - thực vật có ảnh h- ưởng rất lớn đến sự phát triển của ngành du lịch. Nó phục vụ cho các mục đích du lịch khác nhau nh- : Mục đích tham quan du lịch, du lịch săn bắn, du lịch thể thao và nghiên cứu khoa học. Thực vật, đặc biệt là các khối rừng tự nhiên và cả khu rừng nhân tạo kiểu công viên ở các khu vực ngoại ô thành phố, với sự phổ biến của các loại thực vật địa ph- ơng kết hợp với các loại khác đã thích nghi với khí hậu, thực hiện chức năng nhiều mặt- làm sạch không khí, cản gió, tăng độ ẩm. Ngoài ra nó còn có tác dụng thu hút tiếng ồn một cách tự nhiên, tạo nên cảm giác ấm cúng. Do đó chúng rất có giá trị đối với loại hình du lịch cuối tuần. Đối với du khách, những loại thực vật

không có ở đất nước họ thì ông có sức hấp dẫn mạnh. Thực vật gắn liền với môi trường sống tự nhiên của đa số động vật cạn. Khi phân tích và đánh giá lớp phủ thực vật chúng ta luôn xem xét cả thế giới động vật. Bộ phận này có ý nghĩa đặc biệt to lớn đối với du lịch nhận thức và nhất là du lịch săn bắn. Đặc biệt nhất là những năm gần đây cũng có nhiều đoàn khách du lịch quốc tế tham quan du lịch nghiên cứu động vật như: Vọọc đầu trắng - loài động vật quý hiếm như chim và các sản chim.

1.4.2.2 Tài nguyên du lịch nhân văn

Các di tích lịch sử văn hóa được coi là một trong những nguồn tài nguyên du lịch quan trọng. Di tích lịch sử văn hoá là tài sản văn hoá quý giá của mỗi địa phương, mỗi dân tộc, mỗi đất nước và của cả nhân loại. Nó là bằng chứng trung thành, xác thực, cụ thể nhất về đặc điểm văn hoá của mỗi nước. Ở đó chứa đựng tất cả những gì thuộc về truyền thống tốt đẹp, những tinh hoa, trí tuệ, tài năng, giá trị văn hoá nghệ thuật của mỗi quốc gia. Di tích lịch sử văn hoá có khả năng rất lớn góp phần vào việc phát triển trí tuệ tài năng của con người, góp phần vào việc phát triển khoa học nhân văn, khoa học lịch sử. Đây là nguồn lực để phát triển và mở rộng hoạt động du lịch. Các di tích lịch sử văn hoá gắn liền với môi trường xung quanh đảm bảo sự sinh động của quá khứ đã nhào lặn lên chúng và bảo đảm cho khung cảnh cuộc sống sự đa dạng của xã hội. Qua các thời đại, những di tích lịch sử văn hoá đã chứng minh cho những sáng tạo to lớn về văn hoá, tôn giáo và xã hội loài người. Việc bảo vệ, khôi phục, tôn tạo những vết tích hoạt động của loài người trong các thời kỳ lịch sử, những thành tựu văn hoá, nghệ thuật và phát huy những giá trị của di tích...Không chỉ là nhiệm vụ lớn của nhân loại trong thời kỳ hiện đại, mà còn có giá trị rất lớn đến mục đích du lịch.. Di tích lịch sử văn hoá ở mỗi dân tộc, quốc gia được chia thành:

- Di tích văn hoá khảo cổ
- Di tích văn hoá lịch sử
- Di tích văn hoá nghệ thuật
- Các loại danh lam thắng cảnh.

Các lễ hội: Lễ hội là hình thức sinh hoạt văn hoá tổng hợp hết sức đa dạng và phong phú, một cuộc vui lớn của cộng đồng nhằm đáp ứng nhu cầu giải

trí, tín ng- ỡng, thi thố tài năng, biểu d- ơng sức mạnh, tái hiện con ng- ời trong tr- ờng kỳ lịch sử. Nó là loại hình tổng hợp bao gồm nhiều yếu tố dân gian luôn t- ơng tác lẫn nhau. Nội dung lễ hội bao gồm phần nghi lễ và phần hội. Trên thế giới lễ hội có những hình thức và nguồn gốc vô cùng đa dạng. Lễ hội Việt Nam, mà tiêu biểu là lễ hội vùng ĐBSH mang bản sắc chung của nền văn minh nông nghiệp lúa n- ớc. Các lễ hội th- ờng tổ chức tại những di tích lịch sử - văn hoá.

Các đối t- ợng du lịch gắn với dân tộc học có ý nghĩa với du lịch là các tập tục lạ về c- trú, về tổ chức xã hội, về thói quen ăn uống sinh hoạt, về kiến trúc cổ, các nét truyền thống trong quy hoạch c- trú và xây dựng, trang phục dân tộc.. Việt Nam với 54 dân tộc còn giữ nguyên vẹn những phong tục, tập quán, hoạt động văn hoá- nghệ thuật đặc sắc, có tính nghệ thuật cao.. có giá trị hấp dẫn khách du lịch.

Các đối t- ợng văn hoá, thể thao, và các hoạt động nhận thức khác: là các trung tâm các viện khoa học, các thành phố có triển lãm nghệ thuật, các trung tâm th- ờng xuyên tổ chức liên hoan âm nhạc, sân khấu, điện ảnh, các cuộc thi đấu thể thao quốc tế, các cuộc thi hoa hậu... và các công trình kiến trúc nghệ thuật đ- ơng đại của một đất n- ớc, một vùng miền cũng có sức hấp dẫn lớn cho hoạt động phát triển du lịch nói chung và du lịch văn hoá nói riêng.

1.4.3 Điều kiện sẵn sàng đón tiếp

1.4.3.1 Điều kiện tổ chức

Đó là trình độ phối hợp các dịch vụ riêng lẻ thành các sản phẩm hoàn chỉnh và tạo điều kiện dễ dàng trong việc mua sản phẩm của khách hàng. Nh- vậy, ở đây sự lớn mạnh của các đơn vị kinh doanh lữ hành (kể cả mô hình T.O và các đại lý du lịch), mối quan hệ giữa các đơn vị kinh doanh lữ hành với nhau và giữa các đơn vị kinh doanh lữ hành với các đơn vị cung ứng dịch vụ du lịch với nhau.

Đó là trình độ tổ chức quản lý nhà n- ớc trong ngành du lịch thể hiện ở việc xây dựng và kiểm tra việc thực hiện quy hoạch, tổ chức tuyên truyền quảng cáo, thanh tra các hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp du lịch..

Đó là sự hình thành và tổ chức giữa các tổ chức các điểm du lịch và các mạng l- ới tổ chức du lịch đ- ợc thể hiện trong quy hoạch.

Nhìn chung để kinh doanh đáp ứng đ- ợc những nhu cầu của khách đòi hỏi phải có một bộ máy quản lý có hiệu quả. Trong đó gồm các phòng ban (giám đốc hành chính, kế toán cung ứng...) và đội ngũ lao động có chuyên môn nghiệp vụ có khả năng giao tiếp...

1.4.3.2 Điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật

Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch đóng một vai trò hết sức quan trọng trong quá trình tạo ra và thực hiện sản phẩm du lịch cũng nh- quyết định mức độ khai thác tiềm năng du lịch nhằm thoả mãn các nhu cầu của khách du lịch. Chính vì vai trò quan trọng bao giờ cũng gắn liền với việc xây dựng và hoàn thiện cơ sở vật chất kỹ thuật.

Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch bao gồm cơ sở vật chất kỹ thuật của ngành du lịch và cơ sở vật chất kỹ thuật của một số ngành kinh tế trong n- ớc tham gia phục vụ du lịch, thương nghiệp, dịch vụ... cơ sở vật chất kỹ thuật và tài nguyên du lịch có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Tài nguyên du lịch ảnh hưởng tới công suất, thể loại, thứ hạng của hầu hết các thành phần cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch.

Sự kết hợp hài hoà giữa các tài nguyên du lịch là cơ sở vật chất kỹ thuật giúp cho sự hoạt động có hiệu quả của cửa sổ phục vụ du lịch kéo dài thời gian sử dụng chúng trong năm. Vị trí của tài nguyên du lịch là căn cứ để bố trí hợp lý của cơ sở vật chất kỹ thuật trên các vùng lãnh thổ của đất n- ớc và là tiền đề căn bản để hình thành các trung tâm du lịch.

Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch bao gồm (khách sạn, nhà khách, motel, camping), nhà hàng, các khu vui chơi giải trí... là những điều kiện cần thiết cho sự phát triển du lịch. Ngoài ra mạng l- ới giao thông công cộng, hệ thống b- u điện, ngân hàng, là cơ sở tiền đề cho sự phát triển du lịch.

1.4.3.3 Điều kiện về vốn

Vốn đang là vấn đề bức xúc và là nỗi trăn trở của nhiều nhà kinh doanh nói chung và kinh doanh du lịch nói riêng. Nhờ có vốn mà các cơ sở kinh doanh du lịch có thể điều hành hoạt động của mình ngày càng tốt hơn.

Thông th- ờng cơ sở tạo nguồn vốn trong kinh doanh là đi vay, do ngân hàng chính sách cấp, do công ty mẹ cấp hoặc do liên kết với các công ty n- ớc

ngoài, công ty trong nước hoặc góp cổ phần... Bên cạnh đó, tạo được mối quan hệ với những nhà cung ứng, cung ứng vật t- hàng hoá, l- ơng thực, thực phẩm nhờ đó tạo đ- ợc tính đồng bộ và phong phú để cho nhà kinh doanh lựa chọn t- u và không ngừng nâng cao chất l- ợng sản phẩm du lịch.

Nh- vậy, nhà kinh doanh du lịch muốn kinh doanh có hiệu quả thu đ- ợc lợi nhuận cao thì điều tr- ớc mắt là phải tạo đ- ợc cơ sở nguồn vốn và do đâu mà tạo đ- ợc mối quan hệ liên tục với các nhà cung ứng. Có nh- vậy kinh doanh mới có hiệu quả và ngày càng thu hút khách du lịch đến nhiều hơn bởi tính hấp dẫn và tính mới mẻ của sản phẩm. Một nhà kinh doanh giỏi là nhà kinh doanh lanh lợi, khéo léo và xử lý đúng đắn nguồn vốn của mình đang có.

1.4.4 Điều kiện môi tr- ờng văn hoá

Văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội. Trong quá trình phát triển của loài ng- ời, văn hoá luôn đóng một vai trò quan trọng vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển của xã hội.

Do đó, khi kinh doanh ngành dịch vụ du lịch cần phải xem xét điều kiện môi tr- ờng văn hoá có lành mạnh hay không? Nếu không thận trọng sẽ dẫn đến tổn hại nền văn hoá, lối sống của địa ph- ơng tạo cơ hội cho sự truyền nhiễm các bệnh tật, tạo cơ hội gia tăng số t- nạn tội ác mại dâm và cờ bạc. Đồng thời làm xuống cấp môi tr- ờng thiên nhiên và tạo ô nhiễm môi tr- ờng, th- ơng mại hoá nghệ thuật tôn giáo và văn hoá. Bên cạnh đó làm suy yếu cấu trúc gia đình.

Nhằm tạo sự hấp dẫn khách thập ph- ơng cần phải tạo ra môi tr- ờng văn hoá vừa tiên tiến vừa đậm đà bản sắc dân tộc, làm sống lại các giá trị văn hoá truyền thống, vừa giữ vững sự ổn định chính trị và an toàn xã hội, xây dựng đội ngũ cán bộ, nhân viên làm dịch vụ tốt... nhất là đối với một tỉnh mà du lịch phát triển còn rất thấp nh- Hà Nam.

Nh- vậy thông qua ch- ơng 1 - cơ sở lý luận về phát triển du lịch văn hoá, em đã trình bày một số khái niệm và cơ sở để nghiên cứu, kinh doanh du lịch văn hoá đ- ợc hiệu quả. Đây cũng là cơ sở để đánh giá tiềm năng và hiệu quả từ việc khai thác loại hình du lịch này. Nhờ đó khi áp dụng vào thực tế của tỉnh Hà Nam sẽ cho chúng ta một cái nhìn tổng thể nhất về tình hình phát triển của loại hình du lịch văn hoá Hà Nam.

CH- ONG 2: ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN DU LỊCH VĂN HOÁ CỦA TỈNH HÀ NAM

2.1. Tài nguyên du lịch nhân văn

2.1.1 Đánh giá chung về tài nguyên du lịch nhân văn của Hà Nam

Hà Nam là một tỉnh có nguồn tài nguyên du lịch khá phong phú, đa dạng, nh- ng quy mô nhỏ, khả năng thu hút khách không lớn, không có tính nổi trội so tài nguyên du lịch của các tỉnh trong khu vực. Nguồn tài nguyên du lịch hiện tại còn ở dạng nguyên sơ, tự nhiên ch- a có sự tác động của của du lịch. Do vậy, việc tổ chức khai thác nguồn tài nguyên này gặp rất nhiều khó khăn, đòi hỏi phải có sự đầu t- rất lớn.

Tuy nhiên, tài nguyên du lịch của Hà Nam có - u điểm là phân bố khá tập trung lại ở gần các điểm du lịch nổi tiếng của quốc gia nh- : Thủ đô Hà Nội, Chùa H- ong Tích (Hà Tây), Phủ Dầy (Nam Định), Cúc Ph- ong, Tam Cốc Bích Động (Ninh Bình), Chùa Tiên (Hoà Bình). Sự gắn kết giữa các điểm tài nguyên du lịch của Hà Nam với các khu, điểm du lịch trong khu vực bằng các hệ thống giao thông đ- ờng thuỷ, đ- ờng bộ rất thuận lợi. Do đó, tài nguyên du lịch Hà Nam đ- ợc coi là một bộ phận trong nguồn tài nguyên du lịch khu vực. Đây chính là thế mạnh tiềm năng của tài nguyên du lịch của Hà Nam. Song tiềm năng ấy chỉ phát huy đ- ợc khi chúng ta biết kết hợp tổ chức khai thác cùng với các tỉnh bạn, để tạo ra các tour du lịch liên tỉnh, liên vùng hấp dẫn đáp ứng đ- ợc nhu cầu đa dạng của du khách.

2.1.2 Di tích lịch sử văn hoá

Trong quá trình sống, con ng- ời Hà Nam đã thể hiện những nỗ lực mạnh mẽ trong việc không ngừng khám phá những bí ẩn vĩ đại của thiên nhiên và của chính mình. Những khám phá của họ, trong một mức độ nào đó, đ- ợc tr- ng cất và đúc kết lại trong các di tích. Theo thống kê của Sở Văn hoá thể thao và Du lịch Hà Nam năm 2005, trên địa bàn Hà Nam còn l- u giữ đ- ợc 1784 di tích các loại: Di tích khảo cổ, lịch sử, văn hoá, kiến trúc nghệ thuật và các danh lam thắng cảnh cụ thể:

- Thành phố Phủ Lý: 79
- Huyện Duy Tiên: 438
- Huyện Kim Bảng: 196
- Huyện Thanh Liêm: 298
- Huyện Lý Nhân: 275
- Huyện Bình Lục: 412

2.1.2.1 Chùa Long Đọi Sơn

Chùa Long Đọi Sơn nằm trên núi Đọi Sơn thuộc xã Đọi Sơn huyện Duy Tiên, cách Phủ Lý khoảng 8km về phía Bắc. Chùa Đọi đ- ợc xây dựng vào năm 1054 và đ- ợc trùng tu năm 1118 – 1121. Đây là ngôi chùa cổ có nhiều nét văn hoá nghệ thuật kiến trúc tinh xảo, mang đậm dấu ấn qua các thời kỳ lịch sử. Hàng năm vào ngày 21/3 âm lịch Chùa Đọi Sơn mở hội. Với vị trí địa lý thuận lợi, phong cảnh thiên nhiên đẹp, nơi đây sẽ là một điểm du lịch khá hấp dẫn. (Xem phụ lục 2)

2.1.2.2 Đền Lảnh Giang

Đền Lảnh Giang nằm gần bờ sông Hồng thuộc xã Mộc Nam, huyện Duy Tiên, cạnh quốc lộ 38 đi cầu Yên Lệnh. Đền Lảnh Giang còn có tên gọi là Lảnh Giang linh từ, đền toạ lạc trong khuôn viên 3.000m², nơi đây không có núi đồi, nh- ng bạt ngạt màu xanh của cây trái. Cửa đền nhìn ra h- ớng đông dòng sông Nhị Hà (sông Hồng), bốn mùa mênh mang sóng n- ớc.

Kê bên đền Lảnh Giang về phía bờ sông là ngôi đền thờ Cô Bơ Thoải Phù. Đền thờ Tam vị Đại V- ơng thời Hùng- Duệ - V- ơng có công đánh Thục và thờ Tiên Dung công chúa, một trong Tứ Bất Tử của Việt Nam.

Mỗi năm có hai kỳ lễ hội vào tháng 6 và tháng 8 âm lịch. Kỳ hội tháng 6 diễn ra từ ngày 18 đến ngày 25, kỳ hội tháng 8 diễn đ- ợc tổ chức vào ngày 20 âm lịch. Hiện rất đông khách thập ph- ơng từ các nơi kể cả Hà Nội, H- ng Yên....đến lễ và tham quan đền Lảnh. Nếu tuyến du lịch Sông Hồng của Hà Nội đ- ợc mở rộng, đây sẽ là một trong những điểm du lịch tín ng- ỡng có khả năng thu hút khách cao.

2.1.2.3 Đền Trần Th- ơng

Đền Trần Th- ơng thuộc thôn Trần Th- ơng, xã Nhân Đạo, huyện Lý Nhân. T- ơng truyền nơi đây là kho l- ơng của Nhà Trần và là nơi diễn xra các cuộc giao tranh ác liệt trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên thế kỉ 13. Đền thờ Quốc Công Tiết Chế H- ơng Đạo Đại V- ơng Trần Quốc Tuấn.

Đền đ- ợc khởi xây vào năm 1783 với kiến trúc mang đậm nét cổ truyền dân tộc. Lễ hội hàng năm đ- ợc tổ chức từ ngày 1 đến 20 tháng 8 (âm lịch) cùng với lễ hội đền Kiếp Bạc (Hải D- ơng), lễ hội đền Bảo Lộc (Nam Định) để t- ớng nhớ ng- ời anh hùng dân tộc Trần H- ơng Đạo. Hiện nay, khu du lịch đang đ- ợc tiến hành quy hoạch lập dự án đầu t- xây dựng thành một điểm du lịch văn hoá tín ng- ỡng trên tuyến du lịch sông Hồng.

2.1.2.4 Quế Sơn

Còn gọi là núi An Lão, núi Nguyệt Hằng ở thôn An Lão (Bình Lục) nơi có ngôi chùa t- ơng truyền đ- ợc xây dựng vào thời Lý, nơi phát hiện trống đồng Đông Sơn loại Hêgơ, đồng thời là một thắng cảnh nằm bên bờ sông Ninh.

2.1.2.5 Đình và Chùa Châu

Đình và Chùa Châu nằm ở thị trấn Kiện Khê, huyện Thanh Liêm, Hà Nam. Từ TP Phủ Lý đi về phía Ninh Bình đi về phía Quốc lộ 1A khoảng 2km, rẽ phải theo đ- ờng qua cầu Độ về Châu Sơn 4km là đến di tích.

Đình Thôn Châu thờ Điện súy T- ớng Quân Phạm Ngũ Lão, một danh t- ớng đời Trần, một dũng t- ớng gần 30 năm phò các triều Nhân Tông, Anh Tông, Minh Tông đều hết lòng và lập nhiều kỳ công để giữ gìn độc lập cho dân tộc.

Chùa Thôn Châu có tên là Châu Sơn Tự (ngôi chùa trên núi Châu) hoặc Long Sơn Tự (trên núi rồng). Chùa nằm sâu trong vách đá, ngay bên cạnh cửa hang của động Phúc Long trên núi Chùa. Chùa đ- ợc xây dựng từ lâu đời, nằm sâu trong vách đá, mái bằng đá nên ng- ời ta cho rằng chùa nằm trong miệng con rồng.

Chùa quay về h- ớng nam, phía tây giáp 3 gian đền thờ Phạm Ngũ lão, phía đông có 5 gian nhà tổ, tiếp đến nhà phủ, nhà khách, nhà bếp. Đằng tr- ớc có 2 toà phủ đứng biệt lập thờ thuỷ tinh phu nhân và Bạch Hoa công chúa, gồm 5 gian. Nh- vậy cả khu vực chùa gồm 30 gian lớn nhỏ. Phía tr- ớc chùa có hồ và

sân rộng, tiếp đó là đ- ờng chính đạo ra cổng. Trong sân chùa có nhiều cây trai l- u niên. Chùa Châu có nhiều t- ợng phật không lớn nh- ng đẹp nh- t- ợng Tam Thế, tượng A Di Đà, tượng Di Lặc, tượng Tuyết Sơn...Ngoài ra, ở đây còn có một số đồ thờ bằng đá nh- bát h- ơng mâm bông, bình h- ơng đ- ợc làm công phu, đá đắp và hoa văn thể hiện trình độ tay nghề cao và óc sáng tạo đa dạng.

2.1.2.6 Bát cảnh sơn

Bát cảnh sơn: tám cảnh ở vùng núi xã T- ợng Lĩnh (Kim Bảng) đã từng là nơi chúa Trịnh Sâm cho lập hành cung và đ- ợc chúa ví với 8 cảnh đẹp nổi tiếng ở Tiêu T- ờng (Vân Nam, Trung Quốc), nh- : Đền Tiên Ông thờ Nam thiên đại thành hoàng Thánh tổ Thiên V- ơng Bồ Tát, nằm trong quần thể di tích thắng cảnh Bát cảnh sơn ở xã T- ợng Lĩnh, huyện Kim Bảng, Hà Nam. Đền ông tiên đ- ợc xây dựng vào đời vua Trần Nhân Tông, nằm trên l- ơng chùng núi Tụng Lĩnh, cao khoảng 200m giống hình con voi phủ phục. Cứ đến ngày rằm tháng 6 hàng năm, nhân dân tổ chức lễ hội rất long trọng, khách thập ph- ơng ở nhiều nơi cũng về tham dự..

2.1.2.7 Đền Trúc

Đền Trúc thuộc thôn Quyển Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng. Đền thờ vị danh t- ợng Lý Th- ờng Kiệt để t- ờng nhớ Ng- ời cùng đoàn quân nghỉ tại đây khi Ng- ời dẫn quân đi chinh phạt Chiêm Thành cách đây hơn 900 năm. Hàng năm đền mở hội từ 1/1 - 1/2 âm lịch. Đây là một lễ hội tiêu biểu, ngoài phần lễ, phần hội đ- ợc tổ chức rất phong phú, còn có múa hát Dặm Quyển Sơn - một làn điệu dân ca nổi tiếng của Hà Nam.

2.1.2.8 Chùa Bà Đanh

Thuộc thôn Đanh Xá, xã Ngọc Sơn, huyện Kim Bảng. Chùa nằm ngay ven bờ sông Đáy, cạnh núi Ngọc, có kiến trúc độc đáo và nhiều những di vật quý đây chất nghệ thuật dân gian. Đây là ngôi chùa đẹp cổ kính, thâm nghiêm, với cảnh quan "sơn thủy hữu tình", thanh tịnh, cô quạnh và linh thiêng. Chùa Bà Đanh, núi Ngọc nằm trong quần thể khu du lịch Ngũ Động Thi Sơn.

2.1.2.9 Đền Vũ Điện

Còn gọi là đền Bà Vũ, miếu vợ chàng Tr- ơng, thuộc thôn Vũ Điện, xã Chân Lý, huyện Lý Nhân. Nói đến vợ chàng Tr- ơng, chắc hẳn ai cũng nhớ đến ng- ời con gái Nam X- ơng đã sớm đ- ọc chép vào sách Truyền kỳ mạn lục của Nguyễn Dữ.

Theo truyền thuyết của ng- ời dân địa ph- ơng thì ngôi đền đ- ợc xây dựng từ thế kỷ XV, ngay sau cái chết oan uổng của bà Vũ. Ngôi đền linh thiêng với câu chuyện th- ơng tâm của bà Vũ đã từng là đề tài cho biết bao thi nhân nh- Lê Thánh Tông, Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Khuyến..

Những lời thơ của các thi nhân đã từng nói hộ lòng th- ơng tiếc, - ớc muốn giải oan cho ng- ời phụ nữ

2.1.3 Di tích khảo cổ học

2.1.3.1 Mộ cổ:

Mộ Lạt Sơn (sông Bùn, thôn Lạt Sơn, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng). Đây là một mộ thuyền, quan tài bằng gỗ, loại bé (d- ới 3m – 2,97m), niên đại phỏng đoán cuối thế kỷ III từ đầu II (TCN). Mộ đ- ợc khai quật tháng 1/1977.

Khu mộ cổ Yên Tử (thôn Yên Tử, xã Mộc Bắc, huyện Duy Tiên): Khu mộ cổ Yên Tử gồm nhiều ngôi mộ.

Mộ cổ Thịnh Châu Hạ: Mộ cổ Thịnh Châu đ- ợc phát hiện và khai quật 4/1997 ở Thịnh Châu Hạ, Châu Sơn, huyện Kim Bảng. Quan tài bằng hai nửa cây gỗ khoét vòm, lòng máng chứa nhiều hiện vật, có niên đại thế kỷ I SCN.

Mộ thuyền Châu Sơn (Kim Bảng): Không còn mộ. Theo lời kể của dân, sơ bộ nhận định, đây là khu c- trú và mộ táng của ng- ời x- a kéo dài từ Hùng VC- ơng đến Bắc thuộc.

Mộ táng cổ Đọi Sơn: Phát hiện từ những năm 1980, dân tự di chuyển x- ơng cốt tới một chỗ khác. Mộ đ- ợc nghiên cứu vào tháng 5/1984, xác định gồm 11 ngôi, có 03 ngôi quan tài bằng thuyền gỗ, 2 ngôi đất kè đá, 4 ngôi áo quan bằng nan tre (một giát gi- ờng), 2 ngôi ch- a xác định đ- ợc cấu trúc. Những ngôi mộ này có niên đại khoảng thế kỷ I SCN.

Mộ thời Lê Đọi Sơn: Mộ gồm 2 ngôi, phát hiện vào năm 1983 và tháng 5, 1984, quan tài 6 tấm bằng gỗ, có niên đại thời Lê Trung Hưng – Tây Sơn.

2.1.3.2 Những trống đồng trên đất Hà Nam

Hà Nam là tỉnh có số lượng trống đồng phát hiện được nhiều nhất ở khu vực đồng bằng Bắc Bộ. Tính đến nay, đã phát hiện được 19 chiếc trống đồng cổ, trong đó huyện Bình Lục phát hiện được 5 chiếc, đặc biệt là *Trống đồng Ngọc Lũ* có niên đại cổ nhất và đẹp nhất trong toàn quốc. Trống đồng Ngọc Lũ được phát hiện khoảng năm 1893 – 1894 do người dân Ngọc Lũ phát hiện khi đang đào đất ở bãi cát bồi đê Trần Thủy trên đất xã Nhị Trác, huyện Nam Xang (nay là huyện Lý Nhân). Trống đồng Ngọc Lũ là một trong ít trống đồng đẹp nhất phát hiện được trên thế giới (ngoài các trống đồng Hoà Bình và Hoàng Hạ). (Xem phụ lục 2)

Chiếc trống thứ 5 gọi là trống An Lão được phát hiện ở núi Nguyệt Hằng xã An Lão, huyện Bình Lục vào năm 1985.

Ngoài ra, cách đây hơn 100 năm, tổng đốc Nam Định là Vũ Văn Bảo đã tặng cho thôn Yên Tập, xã Phú Đa, huyện Bình Lục 1 chiếc trống đồng. Như vậy, tổng số trống đồng ở Bình Lục là 6 chiếc.

Duy Tiên là huyện phát hiện được nhiều trống đồng nhất trong toàn tỉnh, chiếm 9 trong tổng số 18 chiếc được phát hiện ở Hà Nam. Trong số đó có 1 chiếc đang được bảo quản tại Bảo tàng Lịch sử Việt Nam, 3 chiếc được bảo quản tại Bảo tàng tỉnh, 1 chiếc để tại xã Yên Bắc, 4 chiếc để trong kho của UBND huyện.

Kim Bảng phát hiện được 4 chiếc trống đồng ở các thời kỳ khác nhau. Đó là trống Bút Sơn I, Bút Sơn II, trống Tô Lịch và trống Kim Bảng. Cả 4 chiếc trống này đang nằm trong kho của Công an huyện Kim Bảng.

2.1.3. Ngoài ra còn một số di tích khác

- **Bia ma nhai** (bia khắc vào đá tự nhiên) thôn Lạt Sơn, huyện Kim Bảng.
- **Sách đồng:** Đây là một quyển sách bằng đồng do người dân xã Bắc Lý phát hiện ra, hiện nay được lưu giữ tại nhà ông Nguyễn Văn Thủy, thôn Văn An, xã Bắc Lý, huyện Lý Nhân. Đây là một trong bốn quyển sách đồng còn lại ở nước ta.

- Hang Gióng Lở (thôn Bông Lang, xã Thanh Nghị, huyện Thanh Liêm) là nơi c- trú của con ng- ời vào cuối thời đại đồ đá mới - đầu thời đại đồ đồng.
- Dấu tích ngôi nhà sàn tr- ớc Công nguyên (xã Mộc Nam huyện Duy Tiên).

2.1.4 Đặc sản và ẩm thực

Lý Nhân vốn là huyện thuần nông. Những ng- ời xa quê h- ơng lâu ngày hay những ng- ời đã từng đến với Lý Nhân chẳng thể nào quên h- ơng vị của những món quá quê h- ơng bình dị mà ngọt ngào. Dù chỉ một lần đ- ọc nếm thử h- ơng vị của những đặc sản nổi tiếng trên đất Lý Nhân nh- chuối ngự Đại Hoàng, hồng không hạt và cá kho Nhân Hậu bạn sẽ tìm ra lý do trở lại với Lý Nhân một lần nữa.

2.1.4.1 Chuối ngự Đại Hoàng

Đọc bờ sông Châu Hà Nam, nhiều nơi nổi tiếng về trồng chuối ngự. Nh- ng ngon nhất, vẫn là chuối ngự làng chiêm trũng Đại Hoàng (Lý Nhân, Hà Nam). (Xem phụ lục 3)

Cây chuối ngự, theo các cụ kể ít ra đã có từ thời nhà Trần. Từ phủ Thiên Tr- ờng đến ngoại thành Nam Định, các làng xóm ở Hà Nam, nhiều vùng đất là quê h- ơng, là thái ấp các vua quan nhà Trần. Những ông vua th- ơng dân, đánh giặc giỏi, lại đ- ọc dân quý trọng, trồng lên loại sản vật quý giá dâng vua: chuối ngự.

Làng Đại Hoàng, đất của chuối ngự, cũng chính là làng quê của nhà văn Nam Cao. Nghe kể, thời đi dạy học đi viết văn ở Hà thành, Nam Cao nhớ món chuối ngự làng mình. Ông đi chợ, gặp chuối ngự là mua về, để thơm nức mới th- ờng thức, nh- nhớ về rặng tre, v- ờn chuối thân th- ơng.

2.1.4.2 Hồng không hạt nhân hậu

Ngoài chuối ngự Đại Hoàng, hồng không hạt Nhân Hậu cũng là đặc sản nổi tiếng của Lý Nhân, Hà Nam. Cây hồng không hạt xuất hiện đầu tiên trên vùng đất Nhân Hậu từ hàng trăm năm nay. Cây lớn nhanh, hàng năm vào trung tuần tháng 2 âm lịch, cây nảy lộc đâm chồi, đơm hoa kết trái. Đến khoảng tháng 8, quả bắt đầu chín rộ. Khi chín, quả có màu đỏ thắm, trái tròn to, mọng căng, khối l- ợng trung bình đạt 300 gam/quả.

Quả hồng không hạt ăn đậm đà, ngọt lịm h-ong thơm mát. X- a kia vào mùa quả chín, dân làng Đại Hoàng th- ờng chọn hái những quả to nhất, đỏ nhất, ngon nhất dâng lên vua. Chẳng mấy chốc tiếng thơm của hồng tiến vua đã bay cao, bay xa, nhiều ng- ời đổ về Nhân Hậu những mong mua đ- ợc giống hồng quý về nhân giống trên mảnh đất quê h- ơng. Song không hiểu do chất đất hay do khí hậu mà khi mang nhân giống ở các nơi khác, quả hồng không còn thơm ngon nh- khi đ- ợc trồng ở Nhân Hậu.

2.1.4.3 Cá kho nhân hậu

Về với Lý Nhân, du khách còn đ- ợc th- ờng thức nét văn hoá ẩm thực rất riêng biệt. Đó là món cá kho Nhân Hậu. Đây là món ăn đặc sản chỉ dùng trong ngày tết dân tộc cổ truyền mà theo cảm nhận của nhiều ng- ời từng có cơ hội nếm thử, hương vị của món ăn này chẳng kém gì các món “ đầu đẳng” khác cùng có mặt trong mâm cơm ngày tết Việt Nam nh- giò, nem, mọc..

Để có nồi cá kho thật ngon ăn tết, quá trình chuẩn bị hết sức công phu, tr- ớc hết là làm t- ơng. Khác với nhiều vùng quê nông thôn Việt Nam th- ờng dùng t- ơng Bần kho cá, ở Nhân Hậu, ng- ời ta kho cá bằng t- ơng cua - loại t- ơng đ- ợc làm từ những con cua đồng béo ngậy, vàng - ươm. Tuy vậy, làm t- ơng từ cua không đơn giản. Để có đ- ợc lọ t- ơng cua ngon, tr- ớc tết khoảng 1 tháng, ng- ời Nhân Hậu đã phải rục rịch “ ngả” tương, đảm bảo khi ăn tết tương cũng đạt đến độ chua, vàng, ngậy. T- ơng ngon là một yếu tố đảm bảo món cá kho có vị chắc mềm, thơm ngon độc đáo. Cũng để chuẩn bị cho nồi cá kho vào dịp tết, đến mùa chay, ng- ời dân Lý Nhân lại chọn những quả chay xanh, to bằng cái chén uống n- ớc đem thái mỏng, phơi thật khô, sau đó cất lên gác bếp cho khô mốc, mọt mà vẫn giữ đ- ợc vị chua cần thiết.

Sau phần chuẩn bị phụ liệu là đến khâu chọn cá. Nên chọn cá trắm đen, t- ươi, nặng khoảng 3- 4kg. Cá đ- ợc làm sạch, cắt khúc vừa ăn rồi kho với t- ơng cua. Nh- ng tr- ớc khi bỏ cá vào nồi, các chị đầu bếp đã khéo léo lót những lát chay mỏng xuống d- ưới đáy nồi tránh cho cá bị khô, vừa làm cho cá ngấm chua đều, thị thơm chắc. Bên cạnh đó, riêng củ thái mỏng, gừng thái lát, hành khô, nước mắm ngon, kẹo đắng, mỡ n- ớc cũng là những gia vị không thể thiếu để tạo nên h- ơng vị hấp dẫn của nồi cá kho. Sau khi nêm vừa đủ gia vị ng- ời ta nguyên vật liệu vào nồi đất, đặt lên bếp củi để kho. Thời gian từ 7 - 8 giờ sáng đến 9 - 10

giờ đêm mới hoàn thành. Do thời gian kho cá rất lâu, nên ng-ời ta th-ờng dùng các loại củ chắc nh- nhân, gốc xoan, gốc hoặc trấu để kho cá.

Cá đ-ợc kho kỹ, thịt đậm, chắc, mềm, lại thơm bởi đủ các loại gia vị mà ăn với cơm tấm bánh tr-ng xanh sẽ khiến khách th-ởng thức l-u luyến mãi h-ong vị đặc biệt của thứ quà quê bình dị mà khó quên. Còn chủ nhà thì càng thêm phần vui vẻ, tự hào vì có đ-ợc món ăn đặc sản trong mâm cơm ngày tết.

Những món ăn của quê h-ong chứa đựng thật nhiều điều thú vị. Đó là sự chất chiu nuôi cây từ nguồn đất mẹ, sự tinh túy, chụi th-ơng, chụi khó của những ng-ời nuôi trồng, hay đôi bàn tay khéo léo của những đầu bếp thôn quê....Tất cả đã góp phần tạo nên những món ăn, những món quà quê bình dị nh-ng đậm đà h-ong vị Lý Nhân, h-ong vị Hà Nam.

2.1.5 Làng nghề thủ công truyền thống

2.1.5.1 Đới Tam - làng trống ngàn tuổi

Giữa vùng đồng bằng sông Hồng, núi Đới thuộc xã Đới Sơn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam tuy không cao nh-ng từ x-a đã nhiều ng-ời biết đến. Tr-ớc khi Thái Hậu Ý Lan và Vua Lý Nhân Tông về đây xây dựng chùa Long Đới Sơn (1118), làng trống Đới Tam d-ới chân núi đã có trên d-ới 200 năm.

Đến nay, trải qua hàng ngàn năm, ng-ời dân Đới Tam vẫn l-u giữ và làm giàu thêm vốn nghề truyền thống của Tổ Tiên. Trống Đới Tam hiện diện ở nhiều nơi trong và ngoài n-ớc. Chiếc trống to nhất Việt Nam hiện đang ở gác trống của Văn Miếu do nghệ thuật Đới Tam làm. (Xem phụ lục 4)

2.1.5.2 Làng thêu ren Thanh Hà

Xã Thanh Hà (Thanh Liêm) nằm cạnh Quốc lộ 1A, có 2.626 hộ với 9.699 ng-ời ở 7 thôn. Trong số 2.626 hộ thì có 2.002 hộ làm nghề thêu ren chiếm 76,2%, với 5.740 lao động tham gia, trong số này lao động chính có 2.684 ng-ời, lao động phụ là 2.896 ng-ời và lao động thuê là 160 ng-ời. Những con số trên chứng tỏ Thanh Hà là xã mà số hộ và số lao động làm nghề thêu ren nhiều nhất tỉnh.(Xem phụ lục 4)

Công cụ, thiết bị của làng nghề thêu ren rất đơn giản. Lao động chủ yếu là thủ công. Toàn bộ làng nghề hiện có hơn 5.000 khung thêu, 30 hộ có thiết bị giặk là và in, ngoài ra còn có các dụng cụ khác như: kim, kim móc, dao, kéo...

Các công đoạn của nghề thêu ren là: chuẩn bị nguyên liệu, tạo mẫu, pha và in mẫu, thêu, giặt là, kiểm tra đóng gói và cuối cùng là tiêu thụ. Các công đoạn trên hiện nay đều thực hiện bằng lao động thủ công.

2.1.5.3 Làng mây tre đan Ngọc Động

Xã Hoàng Đông (Duy Tiên) có diện tích tự nhiên gần 7km², dân số 6.894 ng-ời. Xã có 6 thôn, nơi đây có nghề mây tre đan truyền thống. Trong khi nhiều làng nghề truyền thống gặp không ít khó khăn thì nghề mây tre đan ở đây lại đang trên đà phát triển. (Xem phụ lục 4)

Nghề truyền thống đã mang lại cho Ngọc Động những lợi ích kinh tế rõ rệt không thể phủ nhận đ-ợc. Ngoài ra, những lợi ích khác về xã hội mà làng nghề đem lại cũng không thể tính đếm hết, nh- đẩy lùi các tệ nạn xã hội, trẻ em ngoài việc học hành còn tham gia giúp gia đình làm thêm việc đan lát. Những nghệ nhân cao tuổi thì sáng tạo mẫu mã, kiểu dáng; ng-ời già, trẻ em thì làm nan; những ông chủ thì mua gom sản phẩm, tìm kiếm những hợp đồng có giá trị kinh tế; những ng-ời trực tiếp làm ra sản phẩm thì phơi, sấy những ng-ời thợ khai thác lại chuẩn bị cho những chuyến đi...

2.1.5.4 Làng dệt lụa Nha Xá

Nếu so sánh với lụa Hà Đông thì tiếng tăm của sản phẩm vải, lụa Nha Xá đ-ợc xếp hàng á hậu. Từ đầu thế kỷ, các lái buôn hàng lụa thị tr-ờng Sài Gòn - Chợ Lớn đã tín nhiệm những súc tơ lụa nõn bóng, m-ợt mà của làng nghề này. Trải suốt thời gian, làng dệt Nha Xá xã Mộc Nam (Duy Tiên) vẫn duy trì làng nghề để ngày càng làm đẹp cho đời, làm ấm lòng ng-ời trong và ngoài n-ớc.

Hiện nay làng dệt Nha Xá có 230 hộ, gần 800 nhân khẩu, trong đó có khoảng 350 lao động chính, vận hành gần 200 máy dệt. Nhiều gia đình đông lao động, tổ chức sản xuất hợp lý có tới 2 - 3 máy dệt trong nhà. Những gia đình này th-ờng khép kín các công đoạn sản xuất từ mua nguyên liệu đến bán thành phẩm. Thị tr-ờng là những đô thị lớn nh- Hà Nội, Huế, Đà Nẵng, Sài Gòn. (Xem phụ lục 4)

2.1.6 Lễ hội truyền thống

Nằm trong vùng đồng bằng châu thổ Sông Hồng, mảnh đất, con ng-ời Hà Nam mang đậm nét đặc tr-ng văn hoá lúa n-ớc của ng-ời Việt cổ. Tr-ớc thiên nhiên khắc nghiệt, nạn ngoại xâm luôn rình rập,... cộng đồng người Việt luôn đoàn kết, kiên trì bám trụ để sinh tồn. Cầu mong m- a thuận, gió hoà, cuộc sống

thanh bình, yên vui chính là tâm thức nhắc nhở các cộng đồng h- ớng về nguồn cội. Đây cũng là xuất xứ cho các lễ hội ở Hà Nam.

2.1.6.1 Lễ hội chùa Long Đọi Sơn

Chùa Long Đọi Sơn đ- ợc xây dựng d- ới thời vua Lý Nhân Tông (1066- 1128) trên núi Long Đọi, nay thuộc xã Đọi Sơn huyện Duy Tiên.(Phụ lục 5)

Chùa cùng cây tháp Sùng Thiện Di Linh đ- ợc xây dựng từ năm 1118 đến năm 1112 thì hoàn thành. Hiện nay, chùa còn l- u giữ đ- ợc nhiều di vật quý từ thời Lý nh- : 6 pho t- ợng Kim C- ờng bằng đá, t- ợng đầu ng- ời mình chim, nhiều mảng trang trí bằng đất nung, pho t- ợng Di Lạc bằng đồng, bia Sùng Thiện Di Linh,...Nhiều nhà thơ nổi tiếng như vua Lê Thánh Tông, Nguyễn Phi Khanh (Thân phụ của Nguyễn Trãi), Tam Nguyên Yên Đổ Nguyễn Khuyến, Bùi Di,...khi đến thăm chùa đã để lại nhiều bài thơ ca ngợi cảnh đẹp thiên nhiên nay còn đ- ợc l- u giữ tại chùa.

Đ- ờng lên chùa quanh co theo s- ườn núi thoải thoải. Từ đỉnh núi nhìn xuống bốn phía, du khách có thể thấy đ- ợc cảnh trời mây, non n- ớc xen cảnh làng mạc, ruộng đồng đẹp nh- bức tranh thủy mặc.

Hàng năm cứ đến ngày 21 tháng 3 âm lịch, chùa Long Đọi Sơn lại mở hội, thu hút đông đảo nhân dân khắp nơi về làm lễ, văn cảnh. Sáng sớm ngày hôm đó, đoàn làm lễ từ chân núi lên chùa làm lễ dâng h- ơng, t- ờng niệm Lý Nhân Tông- ng- ời có công xây dựng chùa và thể hiện t- t- ờng Phật giáo theo bản sắc riêng của cộng đồng dân c- ồng lúa n- ớc Việt Nam. Sau lễ dâng h- ơng là các đội tế nam quan, tế nữ quan tạ ơn Trời - Phật.

Hội chùa Long Đọi Sơn còn tổ chức các trò: thi nấu cơm, thi dệt vải, bơi thuyền, hát đối, hát chèo, hát giao duyên, hội chọi gà, đấu vật, cờ người....nhằm tái hiện cảnh thanh bình của n- ớc Đại Việt với nền văn minh nông nghiệp thời Lý. Ngoài ra, trong phân hội còn có các môn thể dục thể thao, văn hoá - nghệ thuật hiện đại khác góp phần làm không khí lễ hội thêm t- ng bừng, náo nhiệt.

2.1.6.2 Lễ hội đền Trúc và hát dặm Quyển Sơn

Hát dặm Quyển Sơn và lễ hội đền Trúc (thôn Quyển Sơn, xã Thi Sơn, Huyện Kim Bảng) từ lâu đã đi vào thơ ca, đ- ợc nhiều nhà nghiên cứu văn hoá khảo cứu, giới thiệu.(phụ lục 5)

T- ơng truyền, vào năm 1069, Thái úy Lý Th- ơng Kiệt phụng mệnh vua đem quân đi đánh giặc Chiêm Thành. Đại quân đi bằng đ- ờng thủy theo sông Đáy để ra cửa biển Ninh Bình. Khi đi ngang qua một quả núi bên bờ hữu thuộc trại Canh Dịch (Quyển Sơn, Thi Sơn ngày nay) bỗng gặp một trận cuồng phong làm gãy cột buồm và cuốn phăng lá cờ suýt lên s- ờng núi. Thấy sự lạ, Lý Th- ơng Kiệt cho đó là điềm trời, bèn dừng quân, lên bờ sửa lễ tế quỷ thần, cầu xin cho quân thắng trận. Trận ấy quân ta thắng lớn, giặc Chiêm Thành phải quy hàng. Trên đ- ờng hồi quân về Thăng Long, Lý Th- ơng Kiệt ghé lại d- ới chân núi, mổ lợn ăn mừng, khao th- ờng quân sĩ.

Cùng với sự kiện này, trại Canh Dịch đ- ợc đổi tên thành trại Cuốn Sơn để ghi nhớ sự tích gió cuốn cờ lên núi. Đến thế kỷ XIX, tên Cuốn Sơn đ- ợc đổi thành Quyển Sơn. Sau khi lý th- ờng kiệt qua đời, dân địa ph- ơng lập đền thờ ông ngay tại chân núi Cấm bên sông Đáy, nơi có rất nhiều trúc, gọi nôm na là Đền Trúc.

Hàng năm, nhân dân Quyển Sơn mở cửa đền và tổ chức lễ hội từ ngày 10 tháng giêng đến hết 10 tháng hai âm lịch. Trong thời gian này, công việc đồng áng đã xong xuôi, tiết xuân phơi phới. Con gái trong làng ra đền Trúc tập múa hát d- ới sự chỉ dẫn của bà trùm. Sáng mùng 1 tháng 2, làng chính thức mở hội r- ớc t- ợng Phật cùng bài vị của Lý Th- ờng Kiệt từ đền về đình làng. Sau nghi lễ tế cáo trời đất, thành hoàng chùng 3 tiếng đồng hồ thì đến các trò chơi nh- bơi chải, đấu vật, cờ t- ơng. Song náo nhiệt hơn cả là trò múa hát đậm- một làn điệu dân ca Bắc Bộ pha màu sắc Champa mà nghĩa quân Lý Th- ờng Kiệt học đ- ợc khi họ cất quân đi đánh Chiêm Thành. Hát đậm đ- ợc biểu diễn liên tục 6 ngày. Đến mùng 7 lại t- ợng Phật cùng bài vị Lý Th- ờng Kiệt về đến. Hát đậm vẫn tiếp tục trong 3 ngày nữa (gọi là hát yên vị) và đến ngày 10 tháng 2 thì đóng cửa đền, vãn hội.

2.1.6.3 Lễ hội vật Liễu Đồi

Đây đ- ợc coi một trong những lễ hội có quy mô lớn và có sức sống bền bỉ nhất ở Hà Nam. Hội vật liễu đồi ra đời từ bao giờ không ai rõ, nh- ng bao đời nay lễ hội ch- a bao giờ bị mai một. Vật Liễu Đồi là một lễ hội làng tiêu biểu của văn hoá Hà Nam. Hàng năm, vào ngày 05 tháng giêng âm lịch, tại làng Liễu Đồi, xã

Liêm Túc, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam lại diễn ra lễ hội vật để ghi nhớ công lao củ chàng trai họ Đoàn giỏi võ đã có công đánh giặc cứu n- ớc.

Nghi thức tiến hành hội nh- sau: Mở đầu lễ hội là Lễ r- ớc Thánh vào Dóng. Sau đó là Lễ múa cờ tụ nghĩa. Sau những nghi thức trên thì đến cuộc vật võ. Vào dóng, đô vật chỉ đ- ợc dóng khố, cởi trần. nhiều miếng võ truyền thống của địa ph- ơng trong môn thi đấu khiến ng- ời xem cổ vũ phải hồi hộp theo dõi là: xóc nách, vạch sườn, miếng gông, miếng bò... thật bí hiểm và ngoạn mục. Tiếng chiêng, tiếng trống nổi lên rền vang. Trong dóng, những miếng hiểm độc làm hại đối ph- ơng bị cấm ngặt nh- : Móc hàm, bóp hạ bộ... ai cố ý vi phạm sẽ bị đuổi ra ngoài, cảnh cáo, bị phạt treo đầu một thời gian.

2.1.6.4 Lễ hội truyền thống khu Di tích lịch sử Văn hoá đình, chùa Châu

Lễ hội truyền thống đình, chùa Châu đ- ợc tổ chức hàng năm ngay tại quần thể di tích đình, chùa Châu, nơi đã đ- ợc Bộ Văn hoá - Thông tin cấp bằng công nhận Di tích Lịch sử Văn hoá và Thắng cảnh cấp Nhà n- ớc năm 1994. Lễ hội này diễn ra trong ba ngày từ 07 đến 09/4. Lễ hội mang đậm bản sắc văn hoá dân tộc với các hoạt động tế, lễ, r- ớc, giao hiếu diễn ra giữa tiểu khu Châu Giang và thôn Tháp. Song song với lễ hội, các hoạt động thể dục thể thao nh- bóng chuyền hơi, cầu lông, đua thuyền, kéo co... cũng được tổ chức, thu hút sự tham gia của đông đảo nhân dân.

2.1.6.5 Lễ hội đền Trần Th- ơng

Đền Trần Th- ơng thuộc thôn Trần Th- ơng, xã Nhân Đạo, huyện Lý Nhân, Hà Nam. Hàng năm, cứ đến ngày 20 tháng 8 âm lịch, nhân dân nơi đây lại tổ chức lễ hội để t- ớng nhớ vị anh hùng dân tộc Trần H- ng Đạo.

Cùng với đền Kiếp Bạc (Hải D- ơng), đền Bảo Lộc (Nam Định), đền Trần Th- ơng x- a kia không chỉ là nơi gắn bó với cuộc đời Trần H- ng Đạo mà còn là hành cung để các vua Trần mỗi độ về quê làm nơi an d- ỡng và lập tôn miếu thời phụng tổ tiên. Nói về sự gắn bó mật thiết giữa vùng đất Trần Th- ơng và cuộc đời Trần H- ng Đạo, dân gian có câu: “ Sinh Kiếp Bạc, thác Trần Thương, quê Hương Bảo Lộc”.

Lễ hội đền Trần Th- ơng có tế lễ, r- ớc sách cùng nhiều trò vui khác nh- ng nổi bật vẫn là tục đấu cờ t- ớng. Khi tiếng trống hội nổi lên, các câu thủ cùng dân làng đến sân đều dự cuộc. Làng chọn các lão làng, các chức sắc có gia phong tốt vào khai cuộc. Trong đó, ng- ời cao tuổi nhất đ- ợc làm chủ tế. Chủ tế làm làm lễ cáo yết Đức Thánh Trần rồi r- ớc bàn cờ từ hậu cung ra tr- ớc h- ơng án, nâng bàn

cờ lên vái 3 vái. Sau đó, cuộc chơi bắt đầu. Hai đấu thủ mặc y phục truyền thống của các t- ơng lĩnh đời Trần mang thanh long đao vào cuộc. Vãn cuộc, quân cờ cùng bàn cờ đ- ợc rửa bằng n- ớc giếng của đền và n- ớc ngũ quả, lau chùi cẩn thận rồi đặt lên h- ơng án.

Tục chơi cờ nhằm t- ơng nhớ tài thao lược quân sự của H- ng Đạo Đại V- ơng Trần Quốc Tuấn, rèn luyện trí tuệ, nêu cao truyền thống trống giặc ngoại xâm của ông cha ta.

Bên cạnh tục đấu cờ, hội đền Trần Th- ơng còn có các trò chơi nh- bơi chải và đi cầu Kiêu nhằm diễn tả lại những kỹ năng hoạt động khéo léo, linh hoạt trên môi tr- ờng sông n- ớc cùng tài thao l- ợc thuỷ quân của quân sỹ nhà Trần.

Bảng 1. Bảng thống kê một số lễ hội ở Hà Nam

STT	Tên lễ hội	Địa điểm	Thời gian (Âm lịch)
1	Đền Lảnh Giang	Huyện Duy Tiên – Hà Nam	20/8
2	Đình đá	Huyện Duy Tiên – Hà Nam	6, 7, 8/1
3	Đình Đình	Huyện Bình Lục – Hà Nam	9 – 12/1
4	Làng Gừa	Thanh Liêm – Hà Nam	4/1
5	Đền Trúc	Kim Bảng – Hà Nam	Từ 1/01-hết tháng 02
6	Thọ Ch- ơng	Đức Lý – Lý Nhân – Hà Nam	4 – 6/1
7	Thả Diều	Hoà Hậu – Lý Nhân – Hà Nam	15/5
8	Tịch Điền	Đội Sơn – Duy Tiên – Hà Nam	6, 7/1
9	Vũ Bội	Vũ Bản - Bình Lục-Hà Nam	4/1
10	Vị Hạ	Trung L- ơng-Bình Lục-Hà Nam	3-6/1
11	Tiêu Hạ	Tiêu Động -Bình Lục-Hà Nam	6/1
12	Đông Du Trung	Đông Du-Bình Lục - Hà Nam	12/1
13	Làng Cổ Viên	H- ng Công-Bình Lục-Hà Nam	13/1
14	Làng Nội	Đông Du-Bình Lục-Hà Nam	13/1
15	Làng An Thái	An Mỹ-Bình Lục-Hà Nam	10/2
16	Làng Văn Phú	Mỹ Thọ-Bình Lục-Hà Nam	12/2
17	Làng Mỹ Đồi	An Mỹ - Bình Lục-Hà Nam	15/2
18	Làng Yên Đổ	An Đổ -Bình Lục-Hà Nam	12/8

(Nguồn: Sở Văn hóa thể thao và Du lịch tỉnh Hà Nam)

2.1.7 Những làn điệu âm nhạc dân gian đặc sắc

Hà Nam là vùng đất cổ, có cội nguồn văn minh lúa nước lâu đời và nền văn hoá dân gian đặc sắc. Nơi đây cũng là một trong những cái nôi sản sinh ra những làn điệu âm nhạc dân gian đặc trưng của vùng đồng bằng Bắc Bộ. Trải qua bao năm tháng, các loại hình dân ca vẫn được lưu giữ và truyền tải, thể hiện rõ nét bản sắc văn hoá- lịch sử giàu đẹp, độc đáo của đất và người Hà Nam.

2.1.7.1 Hát dặm Quyển Sơn

Hát dặm Quyển Sơn là hình thức múa nhạc dân gian phục vụ lễ hội chỉ có ở huyện Kim Bảng. Theo lịch sử kể lại, vào năm Kỷ Dữu (năm 1069), Lý Thường Kiệt sau khi đánh thắng giặc Chiêm Thành đã cho mở hội mừng công ở Quyển Sơn. Sau này, cứ từ mừng 10 hàng năm, nhân dân địa phương thuộc vùng núi Cẩm ở Quyển Sơn (nay là xã Thi Sơn) lại cùng nhau tổ chức lễ hội để ca ngợi chiến công đánh giặc giữ nước của vua tôi nhà Lý. Qua khúc hát dặm Quyển Sơn, người ta nghe còn có thể cảm nhận được cuộc sống hoà bình, hạnh phúc lứa đôi, an lạc nghiệp của nhân dân trong vùng.

Hát dặm là hình thức múa hát liên tục (miệng hát, tay múa, chân đệm theo điệu nhạc lời ca) gồm trên dưới 30 điệu khác nhau. Mỗi điệu là một bài, có thể coi là một tổ khúc, liên ca khúc phục vụ thánh lễ. Khi diễn xong, cụ Trùm (cụ bà) mặc váy áo vàng hoặc đỏ đứng trước bàn thờ thánh, quân là những cô gái thanh tân đứng xếp theo hàng dọc ở hai bên. Mỗi bên từ 8- 10 cô mặc áo dài 5 vạt, váy lĩnh, yếm đào, thắt lưng màu hoa lý duyên dáng.

Hát dặm không có nhạc cụ đệm theo mà chỉ dùng đôi sênh tre do cụ Trùm gõ nhịp lúc mau lúc khoan. Có những điệu vừa hát, vừa múa. Cụ Trùm khi đứng giữa khi đi vòng quanh để điều khiển, khi quân hát và múa thì dùng quạt giấy làm động tác biểu hiện nội dung, lúc không múa thì cài quạt vào thắt lưng. Tuy là loại múa hát cửa đền, mang tính chất lễ nghi thờ cúng nhưng lời ca lại đề cập đến những vấn đề trong đời sống sinh hoạt thường ngày của nhân dân: cấy cày, nuôi tằm dệt vải, đối nhân xử thế, tình cảm vợ chồng, anh em.

Hát dặm được xếp thành 3 loại: Loại ngâm tự do; loại lời hát nhịp điệu kệ trong chùa; loại ca khúc trữ tình, phản ánh cuộc sống vùng bán sơn địa thế kỷ X- XI. Tuy không là loại hình dân ca phổ biến, cũng không phải dòng hát

chuyên nghiệp, nh- ng hát dặm Quyển Sơn đ- ọc coi là vốn quý trong nền văn hoá dân gian Việt Nam.

2.1.7.2 Múa hát lèn

Múa hát lèn là điệu hát thờ thần của làng Nội Chuối, xã Bắc Lý, huyện Lý Nhân. T- ơng truyền rằng: trong cuộc đấu tranh đánh đuổi giặc L- ơng. Triệu Quang Phục (Triệu Việt V- ơng) từng xây dựng căn cứ ở đầm Dạ Trạch (Khoái Châu- H- ng Yên) và cả vùng ven sông Hồng (trong đó có Bắc Lý). Sau khi lên ngôi vua, Triệu Việt V- ơng đã về thăm Bắc Lý. Tục hát lèn (hay hát lải lèn, lả lê) đ- ọc l- u truyền từ đó.

Cũng nh- hát dặm Quyển Sơn, lải lèn là loại hình ca múa nhạc rất cổ, vì ngay tên gọi điệu dân ca lải lèn, lải lê, lả lê là gì đến nay vẫn ch- a ai giải thích đ- ọc. Múa hát lải lèn là hình thức sinh hoạt văn hoá mang màu sắc tín ng- ỡng linh thiêng của ng- ời dân làng Nội Chuối nên bị “ khẹp kín” trong phạm vi của làng. Phần hát là những lời thờ cúng kiêng huý nên không đ- ọc phổ biến rộng. Múa hát lải lèn do không biểu đạt sự thăng hoa về tình cảm nên ít nhiều bị hạn chế về nhạc điệu.

2.1.7.3 Hát trống quân

Là loại hình dân ca đối đáp thử tài đua trí với nội dung trao duyên hay trao đổi nhận thức, kinh nghiệm sống giữa nam nữ thanh niên trong xã hội văn minh lúa n- ớc. Hàng năm, hát trống quân đ- ọc tổ chức vào Tết Trung Thu ở hầu hết các vùng trung du và đồng bằng Bắc Bộ Việt Nam.

Hát trống quân thuộc dạng hát nói, hát kể, dựa theo niêm luật và thanh điệu từ ngữ của thơ lục bát, song thất lục bát. Người hát phải nhả lời sao cho “ tròn vành, rõ dẫu” nghe thật tiếng, hát âm cung điệu ở dạng ngũ cung nguyên sơ, với tiết tấu vui rộn, rần rỏi, dí dỏm qua những nhịp đảo, nghịch, những dấu chấm câu rơi vào âm lừng. Tiếng trống đất “ thành thùng thành” dứt câu vấn, câu đáp, gây cảm giác dờ dang, gọi thúc đối ph- ơng mau sớm đáp lời.. Bởi vậy, dù là những câu hát nói về sự nhớ th- ơng, buồn tiếc nh- ng nghệ nhân không bị quyến vào ý tứ, lời chữ , trái lại tách ra thoải mái nh- đang đứng hát trên cầu, ở bên ngoài.

Do Hà Nam là “dốn nước” của vùng đồng bằng Bắc Bộ nên khác với tất cả các địa ph- ơng khác, nhân dân Hà Nam th- ờng hát trống quân ở trên thuyền.

2.1.7.4 Hát chèo

Hà Nam đã đóng góp cho nền sân khấu dân tộc sản phẩm chèo độc đáo với những nghệ nhân chèo tiêu biểu như nghệ sĩ nhân dân Bạch Trà, Diệu Hương; các nhạc sĩ Bùi Đình Thảo, Ngô Quốc Tính... Hà Nam cũng từng nổi tiếng với các chiếu chèo như Xuân Khê, Nhân Đạo, làng Ngò (Lý Nhân), Đông Hoả, Lê Hồ, Quế Sơn (Kim Bảng), Tiên Nội, Yên Bắc, Châu Giang (Duy Tiên) . Qua giọng hát của các nghệ sĩ chèo Hà Nam, những làn điệu, khúc hát bỗng dưng trở nên ngọt ngào, sâu lắng và trữ tình đến kỳ lạ. (Xem phụ lục 6)

2.1.7.5 Hát giao duyên vùng ngã ba sông

Nằm trong vùng đồng bằng Bắc Bộ, Hát giao duyên vùng ngã ba sông Móng mang âm hưởng chung của nhiều thể loại dân ca trong vùng và cả những nét đặc trưng của dân ca vùng chiêm trũng Hà Nam.

Ngã ba sông Móng là địa danh nằm trên lưu vực sông Châu, nơi tiếp giáp 3 xã thuộc 3 huyện Bình Lục, Lý Nhân và Duy Tiên. Tuy là nguồn dân ca chung của 3 huyện nhưng lại mang tên của mỗi làng - làng những người chèo đò ngã ba sông Móng. Dân ca vùng sông Móng mang ý nghĩa sinh hoạt tinh thần và thể hiện cảm hứng thăng hoa trong lao động sản xuất nên gắn liền với tập quán sinh hoạt gia đình - xã hội sinh hoạt tập thể, vui chơi, giải lao động.

Dân ca giao duyên vùng ngã ba sông Móng lúc đầu được hát trên mặt nước, sau chuyển lên bờ với hình thức và nội dung ngày càng phong phú. Điệu hát được bắt nguồn từ câu chuyện dã sử: thời Tiền Lê, một viên tướng trẻ của Lê Hoàn ra trận đánh giặc vào một ngày nồm lũ kéo về, đã được người con gái chèo đò họ Đào cứu thoát khi rơi xuống vùng nồm xoáy giữa dòng sông. Lê Hoàn trở về trong khúc khải hoàn ca, nhưng viên tướng trẻ đã hy sinh, bỏ lỡ nồm hẹn với người yêu. Cô gái thế sẽ không lấy ai nhưng gia cảnh lâm vào bế tắc khốn khó, vì phải giữ trọn chữ hiếu nên đành lấy anh đánh dậm. Do bị người chồng hay ghen tuông đánh đập vũ phu, cô Đào đã phải bỏ làng, bỏ dòng sông và con đò mà ra đi. Xuất phát từ nguồn gốc đó, dân ca vùng ngã ba sông Móng thường thấm đẫm chất trữ tình với những khúc hát ngọt ngào, sâu lắng phảng phất vẻ đượm buồn.

2.1.7 Phong tục tập quán

2.1.7.1 Tục thờ các vị thần nông nghiệp

Nằm ở phía Tây Nam đồng bằng Bắc Bộ, vừa là vùng đồng bằng, vừa là vùng bán sơn địa, sản xuất nông nghiệp là chính, các c- dân nông nghiệp Hà Nam cho đến nay vẫn còn l- u giữ trong đời sống văn hoá tinh thần của mình nhiều hình thái tín ng- ỡng thờ thần nông nghiệp cổ sơ. Đậm nét nhất, có thể nói, là tín ng- ỡng thờ Tứ Pháp.

Tín ng- ỡng thờ Tứ Pháp là tín ng- ỡng thờ bốn vị thần tự nhiên có ảnh h- ưởng quyết định đến đời sống nông nghiệp đang ở tình trạng lệ thuộc hoàn toàn vào thiên nhiên. Đó là bốn vị thần: Thần M- a (Pháp Vũ), thần Mây (Pháp Vân), thần Sấm (Pháp Lôi), thần Chớp (Pháp Điện).

Thoạt đầu, Tứ Pháp chỉ đ- ợc thờ trong các chùa ở vùng Luy Lâu. Dần dần, do tính chất linh ứng của nó mà lan dần ra nhiều vùng quê ở châu thổ Bắc Bộ, trong đó có một số vùng quê ven sông Đáy của tỉnh Hà Nam. T- ong truyền, các làng quê vùng Hà Nam có nghe tiếng Tứ Pháp ở Bắc Ninh linh ứng đã lên đó xin r- ớc chân nhang để thờ. Từ khi r- ớc Tứ Pháp về thờ thì đ- ợc m- a thuận gió hoà, mùa màng t- ươi tốt. Các nơi thờ Tứ Pháp ở Hà Nam cụ thể nh- sau:

+ *Thờ Pháp Vân*: chùa Quế Lâm (Văn Xá, Kim Bảng), chùa Do Lễ (Liên Sơn, Kim Bảng), chùa Thôn Bồn (Phù Vân, Phủ Lý), chùa Tiên (Thanh L- u, Thanh Liêm)

+ *Thờ Pháp Vũ*: Chùa Bà Đanh (Ngọc Sơn, Kim Bảng), chùa Trinh Sơn (Thanh Hải, Thanh Liêm).

+ *Thờ Pháp Lôi*: Chùa Đặng Xá (Văn Xá, Kim Bảng), chùa Nứa (Bạch Th- ợng, Duy Tiên).

+ *Thờ Pháp Điện*: Chùa Bà Bầu (Thành phố Phủ Lý).

2.1.7.2 Tục thờ các vị thần sông n- ớc

Tục thờ các vị thần sông n- ớc có ở các đền Lảnh, Cửa Sông, Lê Chân, Vũ Điện, đình Đá Tiên Phong...

Xuất phát từ quan niệm vạn vật hữu linh, thờ thủy thần là một tục thờ có sớm và phổ biến ở các vùng có địa bàn sông n- ớc. Nghiên cứu truyền thuyết về các vị thần đ- ợc thờ trong các đình, đền của Hà Nam, lễ hội, tục thờ các vị thần này thì thấy dấu vết về tục thờ thủy thần khá đậm nét.

Truyền thuyết về vị thần đình làng Văn Xá (thôn Văn Xá, xã Đức Lý, huyện Lý Nhân) cũng cho thấy rõ dấu vết của tục thờ thủy thần. Vị thần thành hoàng của làng thoát thai từ một con rắn, khi con đê vỡ, đã trở lại hình hài rắn, nằm chắn ngang đoạn đê vỡ, cựa mình ra để ngăn nước lụt, bảo vệ xóm làng.

Vị thần thành hoàng của đình Đá Tiên Phong (thôn An Mông, xã Tiên Phong, huyện Duy Tiên), một nữ tướng của Hai Bà Trưng lúc hoá cũng có rồng mang thuyền vàng đến đón. Đó là những trầm tích văn hoá sâu xa của tín ngưỡng dân gian nhiều khi đã bị chìm đi dưới lớp nổi là các truyện kể về lịch sử được chôn cất sau này. Nhìn vào tục thờ, lễ hội, có thấy rõ những biểu hiện của tín ngưỡng này, tục rước nước, tục đua thuyền... phổ biến trong các lễ hội cổ truyền ở Hà Nam.

2.1.7.3 Tục thờ Thành hoàng

Tục thờ thành hoàng có nguồn gốc từ Trung Hoa cổ, sau khi du nhập vào làng xã Việt Nam đã nhanh chóng bám rễ vào trong tâm thức người nông dân Việt, trở nên hết sức đa dạng.

Thành hoàng có thể là một vị thiên thần như Phù Đổng Thiên Vương, một thần núi như Tản Viên Sơn thần, một vị nhân thần có công với dân với nước như Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Yết Kiêu, Dã Tượng....

Thành hoàng cũng được gọi là phúc thần, tức thần ban phúc cho dân làng, thường mỗi làng thờ một thành hoàng, song cũng có khi một làng thờ hai, ba hoặc hai ba làng thờ một vị. Thành hoàng có thể là nam thần nữ thần, tùy sự tích mỗi làng.

Ngày nay, lễ hội làng đang phát triển mạnh mẽ và nở rộ ở khắp nơi. Tục thờ cúng thành hoàng, diễn lại thần tích, rước xách, tế lễ đang được phục hồi, vì có vậy mới ghi nhớ được công lao của các vị tiền bối với nước, với làng.

2.2 Thực trạng hoạt động du lịch của Hà Nam

Trong những năm qua du lịch Hà Nam đã có những bước tiến nhất định, đạt được nhiều kết quả tích cực. Tuy nhiên Hà Nam vẫn là tỉnh có tốc độ phát triển du lịch chậm so với mặt bằng chung của cả nước, chúng ta cũng cần đánh giá một cách đầy đủ về thực trạng du lịch Hà Nam.

2.2.1 Thực trạng về cơ sở vật chất kỹ thuật- hạ tầng kỹ thuật

a. Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch

Trên địa bàn tỉnh Hà Nam hiện nay cơ sở hạ tầng phục vụ cho du lịch còn thấp kém, hệ thống nhà nghỉ, khách sạn ít, chất l- ợng thấp. Chỉ có khách sạn Hoà Bình là có quy mô và chất l- ợng nhất, một số khách sạn, nhà nghỉ t- nhân có quy mô vừa và nhỏ nh- : Nhà nghỉ Anh Đào, khách sạn Bình Minh, nhà nghỉ H- ợng Sen, nhà nghỉ Hoa Ph- ợng, nhà nghỉ Thanh Thuỷ... bên cạnh các khách sạn, nhà nghỉ thì Hà Nam không có những khu vui chơi giải trí hấp dẫn, ph- ợng tiện phục vụ khách tham quan không nhiều và chất l- ợng thấp nh- : Xe du lịch từ 4 đến 50 chỗ, xích lô du lịch... hàng hoá phục vụ cho nhu cầu mua sắm của khách du lịch còn ít, đặc biệt là các mặt hàng thủ công mỹ nghệ và các đặc sản của tỉnh ch- a đ- ợc phổ biến rộng rãi, ch- a có điểm giới thiệu tại TP. Phủ Lý.

Cơ sở l- u trú

Bảng 2 .Bảng thống kê một số cơ sở l- u trú trên địa bàn tỉnh Hà Nam

STT	Tên cơ sở l- u trú	Địa chỉ	Loại hạng	Tổng số phòng
1	Khách sạn Thiên Phú	Lê Hoàn – Quang Trung – Phủ Lý – Hà Nam	Đủ TCTT	18
2	Khách sạn Hoà Bình	Trần Phú – Quang Trung – Phủ Lý – Hà Nam	3 sao	65
3	Khách sạn H- ợng Việt	QL 1A – P. Minh Khai – Phủ Lý – Hà Nam	2 sao	19
4	Khách sạn Thanh Thuỷ (I + II)	Quang Trung – Phủ Lý – Hà Nam	Đủ TCTT	10
5	Khách sạn 30/4	Số 34 – Biên Hoà - Phủ Lý – Hà Nam	2 sao	43
6	Khách sạn Bảo Sơn	Thanh Tuyên – Thanh Liêm – Hà Nam	2 sao	14
7	Khách sạn C- ờng Thịnh	Thanh Hải – Thanh Liêm – Hà Nam	Đủ TCTT	21
8	Nhà nghỉ Bạn Tôi	Bằng Khê – Liêm Chung – Phủ Lý – Hà Nam	Đủ TCTT	9
9	Nhà nghỉ Tây Đô	Lê Hồng Phong – Phủ Lý – Hà Nam	Đủ TCTT	10
10	Nhà nghỉ Trúc Xanh	Phúc Lai – Thanh Phong – Thanh Liêm – Hà Nam	Đủ TCTT	12
11	Nhà nghỉ Thanh Hải	Thanh Hà - Thanh Liêm – Hà Nam	Đủ TCTT	11

(Nguồn: Sở Văn hoá thể thao và Du lịch Hà Nam)

Cơ sở nhà hàng tiện nghi ăn uống nhìn chung đã đáp ứng được nhu cầu của du khách. Ở Hà Nam có một số Khách sạn nổi tiếng phục vụ ăn uống như: Nội thị, Ngọc Sơn, Bảo Sơn... nhưng còn ở mức độ thấp, cần đầu tư nâng cấp cả về số lượng và chất lượng, để có đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của du khách.

Các khu vui chơi giải trí, khu thể thao, công viên, vườn hoa...

Các khu vực này hầu như chưa đưa vào phục vụ cho hoạt động du lịch. Nếu được đầu tư, khai thác tốt thì đây cũng có thể trở thành điểm tham quan du lịch, nghỉ ngơi, giải trí của khách du lịch.

Nhìn chung cơ sở vật chất kỹ thuật của tỉnh Hà Nam còn rất yếu và thiếu, không tạo ra được sức hấp dẫn đối với du khách, chưa khai thác được tiềm năng du lịch của địa phương. Cơ sở lưu trú còn thiếu, các trang thiết bị thiếu và xuống cấp nghiêm trọng, nhân viên còn kém về nghiệp vụ, vệ sinh trong khách sạn, nhà hàng, vấn đề an toàn vệ sinh thực phẩm chưa được quan tâm và kiểm soát.

b. Cơ sở hạ tầng

- **Giao thông vận tải**

Hà Nam là cửa ngõ phía nam thủ đô Hà Nội, cách Hà Nội gần 60 km nằm trên trục giao thông quan trọng xuyên Bắc – Nam quan trọng bậc nhất của nước ta, trên địa bàn tỉnh có quốc lộ 1A và đường sắt Bắc – Nam chạy qua với chiều dài gần 50 km và các tuyến đường giao thông quan trọng khác như: quốc lộ 21A, 21B, quốc lộ 38 tỉnh lộ 971, 972...sông Hồng, sông Đáy, sông Nhuệ. Hơn 20 km đường thủy và 42 cầu đường đã xây dựng kiên cố và hàng nghìn km đường giao thông nông thôn tạo thành mạng lưới giao thông khép kín. Đây là những lợi thế để phát triển du lịch đặc biệt là du lịch văn hoá.

- **Thông tin liên lạc**

Trên địa bàn tỉnh có một trung tâm bưu điện tại thành phố Phủ Lý, 5 trung tâm bưu cục ở các huyện, 44 bưu cục và gần 100 điểm/ trạm bưu điện ở các xã phường. Điện thoại không dây được phủ sóng toàn tỉnh. Mọi dịch vụ về thông tin liên lạc, bưu điện, viễn thông trong nước và quốc tế được thực hiện dễ dàng, thuận tiện trên địa bàn toàn tỉnh.

- Hệ thống cung cấp điện

Mạng lưới truyền thông và cung cấp điện đã được xây dựng, mở rộng ở hầu hết các thôn xã. 100% hộ dân cư và các cơ sở sản xuất kinh doanh, cơ quan hành chính sự nghiệp ở TP. Phủ Lý và các huyện được cung cấp sử dụng điện lưới quốc gia. Hiện tại và trong những năm tới, Hà Nam đang tiếp tục cải tạo, nâng cấp mạng lưới điện tiêu chuẩn quốc gia và xây dựng một số hệ thống, công trình mới đáp ứng nhu cầu điện cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá phát triển kinh tế mới nói chung của tỉnh.

2.2.2 Mạng lưới kinh doanh du lịch

Ngành du lịch Hà Nam chính thức được thành lập từ tháng 1 năm 1997, với điểm xuất phát ban đầu rất thấp, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho kinh doanh du lịch còn rất hạn chế. Trong mấy năm vừa qua, mạng lưới kinh doanh du lịch của Hà Nam đã phát triển cả về quy mô và chất lượng phục vụ. Hiện nay số lượng các đơn vị hoạt động kinh doanh du lịch trên địa bàn còn rất ít, khoảng 25 cơ sở. Về hình thức kinh doanh của các đơn vị còn đơn điệu, các dịch vụ du lịch mới chủ yếu kinh doanh lưu trú, ăn uống, văn hoá thể thao. Kinh doanh lữ hành nội địa, vận chuyển khách du lịch và một số dịch vụ khác còn rất hạn chế.

Nhìn chung mạng lưới kinh doanh du lịch của Hà Nam còn nhỏ bé, thiếu về cơ sở vật chất kỹ thuật, dịch vụ du lịch, yếu về chuyên môn nghiệp vụ và kinh nghiệm kinh doanh trong lĩnh vực du lịch. Đây cũng là một tồn tại tất yếu khách quan của một ngành mới được thành lập, đồng thời cũng là trở ngại rất lớn trong quá trình phát triển của ngành.

2.2.3 Nguồn nhân lực trong du lịch

Bảng 3. Bảng điều tra trình độ lao động trong ngành du lịch của tỉnh Hà Nam

Năm	Đại học/ cao đẳng	T cấp/ sơ cấp	Trình độ ĐT khác
2004	30	150	50
2005	50	150	60
2006	80	175	80
2007	100	270	90

2008	150	300	400
------	-----	-----	-----

(Nguồn : Sở văn hoá thể thao và du lịch Hà Nam)

Nguồn lao động của tỉnh Hà Nam còn thiếu cả về số lượng lẫn chất lượng. Đội ngũ lao động, đặc biệt là những lao động có trình độ cao còn thiếu, không thể đáp ứng nhu cầu du lịch của khách du lịch và công tác quảng bá du lịch. Việc cần thiết phải đào tạo đội ngũ lao động có trực tiếp trong ngành du lịch và đào tạo nghiệp vụ kinh doanh du lịch, dịch vụ cho cả những người dân địa phương nơi có các di tích. Tỉnh Hà Nam cũng cần quan tâm đến vấn đề thu hút nhân tài phục vụ du lịch của tỉnh nhà.

2.2.4 Kết quả của kinh doanh du lịch và khách du lịch

2.2.4.1 Khách du lịch

Khách du lịch quốc tế đến Hà Nam chủ yếu bằng đường bộ, mục đích chính của họ là tìm cơ hội liên doanh, liên kết tham quan và quá cảnh qua Thành phố Phủ Lý; chiếm tỷ lệ cao là khách từ các nước Tây Âu (70% năm 1995), khách Châu Á như: Nhật Bản, Trung Quốc, Đài Loan, và các nước Đông Nam Á... chiếm tỷ lệ 30%. Ngày lưu trú trung bình của khách dao động trên dưới một ngày. Năm 1995 số lượng khách quốc tế đến Hà Nam là gần 400 người, năm 2006 khoảng trên 3000, chiếm 0,05% số khách quốc tế của Hà Nội. Khách nội địa đến đa số từ Hà Nội và các tỉnh phụ cận và khách du lịch quá cảnh đi chùa Hương và các nơi khác dừng lại thăm quan. Năm 1995 số lượng khách nội địa 9.012 lượt, năm 2006 số khách nội địa khoảng 150.000 lượt, bằng 3,9% số khách nội địa của Hà Nội. Ngày lưu trú trung bình đạt trên một ngày. Công suất sử dụng phòng trung bình hàng năm hiện nay của các cơ sở lưu trú ở Hà Nam nói chung còn thấp, chỉ đạt dưới 50% mà theo tổ chức du lịch thế giới, để kinh doanh khách sạn có lãi phải đạt trên 60%. Số giường trung bình trong một phòng hiện nay ở Hà Nam là 2,0 giường tương đối phù hợp với tình hình chung của ngành du lịch cả nước.

Bảng 4. Khách du lịch đến Hà Nam thời kỳ 2004- 2008

Chỉ tiêu	Năm 2004	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008
L- ợt khách trong n- ớc	17.137	26.404	31.733	41.023	65.000
L- ợt khách quốc tế	248	286	200	328	800
Ngày khách trong n- ớc	17.655	27.724	32.753	46.390	72.000
Ngày khách quốc tế	280	301	212	310	900

(Nguồn: Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch Hà Nam)

2.2.4.2 Doanh thu du lịch

Về doanh thu du lịch: Hàng năm có tốc độ tăng từ 12-15%/năm, doanh thu chủ yếu tập trung từ các dịch vụ l- u trú, ăn uống còn các dịch vụ khác doanh thu còn tăng chậm do thiếu các dịch vụ phục vụ.

Bảng 5. Doanh thu du lịch Hà Nam thời kỳ 2004 - 2008

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2004	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008
Doanh thu	9.600	10.240	11.339	12.230	15.000

2.3 Nhận xét chung về hoạt động du lịch của Hà Nam hiện nay

2.3.1 Về - u điểm

Hà Nam có lợi thế về vị trí địa lý rất thuận lợi để phát triển du lịch. Đây chính là - u điểm nổi trội nhất.

- Về tài nguyên. Tỉnh có nguồn tài nguyên t- ong đối phong phú và lại rất gần các khu du lịch lớn của các tỉnh bạn. Đây cũng là một lợi thế rất tốt cho du lịch Hà Nam có thể kết hợp với các tỉnh để phát triển nhiều loại hình kinh doanh du lịch, khai thác tài nguyên du lịch của tỉnh có hiệu quả hơn.

- Du lịch Hà Nam đã nhận đ- ợc sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh uỷ, HĐND và UBND tỉnh và sự phối hợp chặt chẽ có hiệu quả của các ngành trong quá trình phát triển.

- Đội ngũ cán bộ công chức trong ngành nhiệt tình công tác, có một số kinh nghiệm trong quản lý du lịch, có nhận thức đúng đắn về tính tất yếu phát triển du lịch Hà Nam thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh.

2.3.2 Nhược điểm

- Về thực trạng kinh tế - xã hội của tỉnh ch- a phát triển mạnh, vẫn còn là một tỉnh nghèo, chủ yếu lao động thuần nông, hạ tầng cơ sở xã hội ch- a phát triển một cách đồng bộ nên ch- a tạo ra những điều kiện cần thiết cho du lịch phát triển, đặc biệt là còn thiếu nhiều các dịch vụ phục vụ khách du lịch. Đây chính là nhược điểm lớn nhất tác động trực tiếp đến quá trình phát triển của du lịch Hà Nam.

- Về nguồn tài nguyên du lịch tuy có phong phú đa dạng nhưng tính tiêu biểu độc đáo không cao, khả năng thu hút khách có hạn chế, tài nguyên còn ở dạng tự nhiên, các điều kiện cần thiết phục vụ cho du lịch trong các khu vực tài nguyên hầu như ch- a có gì. Do vậy, muốn khai thác có hiệu quả những nguồn tài nguyên này cần phải có nguồn vốn đầu tư rất lớn của tỉnh và các cơ sở kinh doanh.

- Các thành phần kinh tế tham gia hoạt động kinh doanh du lịch trên địa bàn còn rất ít, năng lực tài chính còn hạn chế, quy mô nhỏ, các loại hình kinh doanh đơn điệu. Về đội ngũ nhân viên phục vụ còn yếu kém về chuyên môn nghiệp vụ, cán bộ quản lý ch- a có kinh nghiệm thực tiễn, toàn ngành hiện tại có khoảng hơn 200 người lao động. Về chất lượng của các dịch vụ ch- a đáp ứng được yêu cầu đa dạng của khách du lịch. Đây cũng là một trong những nguyên nhân chính ảnh hưởng rất lớn đến khả năng thu hút khách du lịch đến với Hà Nam.

- Về đầu tư xây dựng tuy đã có sự quan tâm của Nhà nước, song tổng mức đầu tư còn quá nhỏ bé so với nhu cầu đòi hỏi để phát triển. Cơ chế chính sách khuyến khích thu hút các Nhà đầu tư kinh doanh du lịch triển khai còn chậm, ch- a đồng bộ.

- Nhận thức về phát triển du lịch của nhân dân địa phương nói chung và nhân dân ở trong khu vực có tài nguyên du lịch nói riêng còn hạn chế làm ảnh hưởng không nhỏ đến công tác xúc tiến đầu tư cũng như hoạt động kinh doanh, bảo vệ tài nguyên, môi trường trong các khu du lịch. Thực chất du lịch Hà Nam đang ở điểm xuất phát ban đầu trong lộ trình phát triển.

2.3.3 Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan

Do điều kiện thực trạng nền kinh tế - xã hội của tỉnh và những yếu tố về tài nguyên du lịch làm ảnh hưởng đến quá trình hình thành và phát triển ngành du lịch của Hà Nam.

- Nguyên nhân chủ quan:

Các cơ quan quản lý Nhà n- ớc ch- a thực sự chủ động sáng tạo trong việc hoạch định chính sách phát triển kinh tế xã hội trong đó có phát triển du lịch ở địa ph- ơng.

Kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực du lịch của còn hạn chế, ch- a đánh giá đúng mức những tiềm năng thế mạnh về du lịch, vai trò vị trí của du lịch trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

CH- ƠNG 3:

NHỮNG GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH VĂN HOÁ CỦA TỈNH HÀ NAM

3.1 Mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm phát triển du lịch của tỉnh Hà Nam

3.1.1 Những khó khăn thách thức đặt ra trong quá trình phát triển dịch vụ du lịch

3.1.1.1 Đặc điểm tình hình kinh tế xã hội trong những năm 2008 - 2012

- Tình hình thế giới:

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X nhận định đánh giá tình hình quốc tế trong những năm sắp tới nh- sau: Trên thế giới, hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn; Kinh tế thế giới và khu vực tiếp tục phục hồi và phát triển nh- ng vẫn tiềm ẩn những yếu tố bất chắc và khó l- ờng. Tình hình thế giới vẫn diễn biến phức tạp, tình hình Châu Á Thái bình d- ơng nói chung và khu vực Đông Nam á nói riêng một mặt xu thế hoà bình hợp tác và phát triển tiếp tục gia tăng, mặt khác luôn tiềm ẩn các nhân tố gây bất ổn nh- tranh chấp nhau về biên giới lãnh thổ, tài nguyên biển đảo và những bất ổn về kinh tế chính trị - xã hội ở một số n- ớc ...

- Tình hình trong n- ớc:

Tình hình có nhiều thuận lợi thế và lực của n- ớc ta lớn mạnh lên nhiều so với tr- ớc đây. Quan hệ quốc tế đ- ợc mở rộng, chúng ta đã chủ động trong hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững môi tr- ờng hoà bình thân thiện. Tình hình chính trị trong n- ớc ổn định, đời sống, kinh tế - xã hội không ngừng đ- ợc nâng cao, tổng sản phẩm trong n- ớc (GDP) đến năm 2010 tăng gấp 2,1 lần năm 2000, tốc độ tăng tr- ởng GDP phấn đấu đạt 8% /năm. Tuy nhiên chúng ta luôn phải đối mặt với những thách thức đó là: Nguy cơ tụt hậu, những biểu hiện xa rời mục

tiêu XHCN và những âm mưu các thế lực thù địch chống phá cách mạng muốn thay đổi chế độ chính trị.

- Tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hà Nam

Nghị quyết Đại hội Tỉnh Đảng bộ lần thứ XVII đã chỉ rõ: Đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội, phấn đấu đạt các chỉ tiêu: Tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm phấn đấu đạt 12%/năm. Thu nhập bình quân đầu người đạt 11 triệu đồng /năm. Tăng cường phát triển các loại hình dịch vụ thay đổi cơ cấu kinh tế theo hướng Công nghiệp- Dịch vụ - Nông nghiệp .

3.1.1.2 Những thuận lợi và khó khăn thách thức đặt ra trong quá trình phát triển Du lịch Hà Nam giai đoạn 2008 - 2012

Đặc điểm tình hình kinh tế chính trị, xã hội trên thế giới, trong nước những năm tới có ảnh hưởng rất lớn đến quá trình phát triển của du lịch Việt Nam nói chung và du lịch Hà Nam nói riêng, đó là:

- Đối với ngành du lịch Việt Nam:

+ Thời cơ và thuận lợi:

Thị trường khách du lịch quốc tế được mở rộng, khách du lịch quốc tế đến Việt Nam ngày càng đông do quá trình hội nhập kinh tế thế giới và khu vực, nhất là khi Việt Nam được ra nhập tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Hiện nay Việt Nam đang là điểm đến thân thiện của khách du lịch quốc tế. Thị trường khách du lịch nội địa được mở rộng do đời sống của nhân dân không ngừng được nâng cao. Đặc biệt là thị trường khách du lịch Hà Nội và các đô thị lớn.

+ Khó khăn và thách thức:

Đòi hỏi ngành du lịch phải phát triển nhanh chóng cả cơ sở vật chất kỹ thuật và chất lượng dịch vụ để đáp ứng kịp thời nhu cầu ngày càng tăng nhanh du lịch. Những rủi ro trong kinh doanh du lịch là khó tránh khỏi do yếu tố khách quan khó lường như: chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh..vv

- Đối với ngành du lịch Hà Nam:

Cũng nằm trong bối cảnh chung của du lịch cả nước, đồng thời có những thuận lợi và khó khăn đặc thù riêng, đó là:

+ Về thuận lợi và cơ hội:

Do điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh t- ơng đối phát triển và chính từ nội tại nền kinh tế nó vừa yêu cầu, đòi hỏi vừa thúc đẩy ngành du lịch Hà Nam phải phát triển để giải quyết những vấn đề cần thiết cho việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế và đáp ứng yêu cầu trong ch- ơng trình hội nhập kinh tế quốc tế của tỉnh. Đồng thời đáp ứng nhu cầu du lịch ngày càng tăng nhanh, thị tr- ờng khách đ- ợc mở rộng, đặc biệt là thị tr- ờng khách Hà Nội. Đây chính là một cơ hội lớn để du lịch Hà Nam phát triển.

+ Về khó khăn thách thức:

Trong giai đoạn này du lịch Hà Nam đòi hỏi phải đ- ợc đầu t- xây dựng một cách đồng bộ để tạo ra những khu, điểm du lịch hấp dẫn có khả năng thu hút khách cao. Do vậy, nhu cầu về vốn đầu t- là rất lớn trong điều kiện kinh tế tài chính còn hạn hẹp đó chính là khó khăn thách thức lớn nhất cần phải có giải pháp tháo gỡ. Ngoài ra còn có khó khăn về nguồn nhân lực, đội ngũ cán bộ quản lý, cơ chế quản lý.

3.1.2 Quan điểm và mục tiêu phát triển của du lịch Hà Nam từ nay đến năm 2012

3.1.2.1 Những căn cứ khoa học để xác định mục tiêu và nhiệm vụ phát triển du lịch

- Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội Tỉnh Đảng bộ Hà Nam lần thứ XVII
- Căn cứ vào Quy hoạch Tổng thể phát triển Du lịch Việt Nam giai đoạn 2005 - 2015, Ch- ơng trình hành động quốc gia về Du lịch giai đoạn 2008 - 2012
- Căn cứ vào Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hà Nam
- Căn cứ Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Hà Nam giai đoạn 1998 - 2010
- Căn cứ vào tình hình thực trạng phát triển kinh tế - xã hội và phát triển du lịch của Hà Nam hiện nay.

3.1.2.2 Quan điểm phát triển:

- Phát triển du lịch phải thực hiện theo đúng kế hoạch, quy hoạch ngành, phải phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, phải đảm bảo hiệu quả và phát triển bền vững.

- Ưu tiên phát triển các khu, điểm du lịch trọng điểm có tiềm năng lớn và các loại hình dịch vụ du lịch có thể cạnh tranh cao để tạo ra các sản phẩm du lịch đa dạng, độc đáo, hấp dẫn du khách.

- Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để huy động tất cả các thành phần kinh tế đầu tư - phát triển các dịch vụ phục vụ du lịch đặc biệt các nhà doanh nghiệp đầu tư - vào các khu du lịch trọng điểm của tỉnh.

3.1.2.3 Mục tiêu phát triển

Phát triển du lịch Hà Nam sớm trở thành một điểm đến của du khách và là ngành kinh tế quan trọng của tỉnh, nhằm khai thác một cách có hiệu quả những tiềm năng, lợi thế của tỉnh để góp phần thúc đẩy việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế và đáp ứng nhu cầu về du lịch ngày càng tăng của xã hội.

3.1.2.4 Các chỉ tiêu cụ thể: (tính đến năm 2012)

- Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm đạt: 15-20%
- Tổng doanh thu từ các hoạt động du lịch đạt: 45 tỷ đồng
- Tổng lượt khách: 150.000 lượt khách

Trong đó:

- + Khách quốc tế: 20.000 lượt khách
- + Khách nội địa: 130.000 lượt khách

(Có thể có khả năng tăng trưởng đột biến do đẩy nhanh công tác đầu tư)

3.1.3 Nhiệm vụ trọng tâm

Để đạt được các chỉ tiêu trên chúng ta cần phải tập trung chỉ đạo thực hiện một số nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Tập trung đầu tư - xây dựng một số khu du lịch, điểm du lịch trọng điểm nhằm tạo ra các sản phẩm du lịch hấp dẫn để thu hút khách du lịch

Giai đoạn từ nay đến năm 2012 du lịch Hà Nam cần tập trung đầu tư - xây dựng một số khu, điểm du lịch như: Khu du lịch Bến Thủy, Bến xe đi Chùa Hương, khu du lịch Tam Chúc, khu du lịch Ngũ Động Sơn và vùng phụ cận; điểm du lịch văn hoá lễ hội Chùa Long Đọi Sơn, Đền Trần Thương, Đền Lảnh Giang, Từ đường Nguyễn Khuyến; điểm du lịch làng nghề An Hoà, Ngọc Động, Đọi Tam và Nha Xá.

Đây là nhiệm vụ quan trọng nhất, có thực hiện được nhiệm vụ này thì mới tạo ra được các sản phẩm du lịch hấp dẫn để thu hút khách du lịch đến với Hà Nam.

- Gắn kết du lịch Hà Nam với du lịch các tỉnh bạn trong khu vực và cả nước, đặc biệt là du lịch Hà Nội. Nhằm nâng cao khả năng thu hút khách để khai thác một cách có hiệu quả nguồn tài nguyên du lịch của tỉnh.

Từ nay đến năm 2012 phải xây dựng các tour, tuyến du lịch chính cụ thể nh- sau:

- Các tour du lịch nội tỉnh:

+ Tour - Long Đọi Sơn - Đọi Tam - Đền Lảnh Giang - Nha Xá - Ngọc động- Phủ Lý

+ Tour Phủ lý - Đền Trần Th- ơng - Từ đ- ờng Nguyễn Khuyển - Làng thêu An Hoà-Phủ Lý

+ Tour Phủ lý - Ngũ Động Sơn- Chùa Bà Đanh - Tam Chúc - Phủ Lý

- Các tuyến du lịch ngoại tỉnh:

+ Tuyến Tây Bắc - Đông Nam, khai thác nguồn khách từ Thái Bình, Nam Định - Phủ Lý - Hà Tây, Hoà Bình. Tuyến này tập trung các dịch vụ du lịch văn hoá lễ hội, l- u trú, du lịch sinh thái nghỉ d- ỡng.

+ Tuyến Bắc Nam (tuyến du lịch xuyên Việt) theo quốc lộ 1A trên tuyến này tăng c- ờng các dịch vụ ăn uống, giải pháp từng b- ớc tăng các dịch vụ l- u trú, dịch vụ nghỉ d- ỡng cuối tuần cho khách Hà Nội.

+ Tuyến du lịch Hà Tây - Hà Nam - H- ơng Yên - Hải D- ơng - Hải Phòng - Quảng Ninh. Tuyến này tập trung vào du lịch lễ hội và du lịch biển, phát triển dịch vụ vận chuyển khách.

+ Tuyến du lịch Phủ Lý đi Ngũ Động Sơn - Đền Đức Thánh Cả - Chùa H- ơng bằng đ- ờng bộ và đ- ờng thuỷ trên sông Đáy.

- Từng b- ớc phải nâng cao chất l- ợng phục vụ trong các dịch vụ du lịch tại các điểm du lịch, khu du lịch đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của du khách.

- Đánh giá đúng mức nguồn tài nguyên du lịch, điều chỉnh quy hoạch tổng thể xây dựng kế hoạch phát triển dài hạn để làm cơ sở cho lập các dự án đầu t- xây dựng cơ sở hạ tầng để thu hút các nhà đầu t- .

- Xây dựng cơ chế quản lý, điều hành hợp lý, thông thoáng để thu hút các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu t- kinh doanh trong lĩnh vực du lịch. Tăng c- ờng công tác quản lý nguồn tài nguyên du lịch, công tác bảo vệ cảnh quan, môi tr- ờng trong quá trình tổ chức khai thác tài nguyên du lịch.

3.2 Những giải pháp chủ yếu để phát triển du lịch của Hà Nam

3.2.1 Đầu t- xây dựng

Đầu t- là một điều kiện tiên quyết để phát triển, nếu không có đầu t- thì không thể phát triển đ- ợc. Với đặc thù là một ngành mới hình thành phát triển trên cơ sở hạ tầng thấp kém, du lịch Hà Nam cần phải đầu t- xây dựng mới từ đầu và phải có những b- ớc đi thích hợp mới phát huy đ- ợc hiệu quả sau đầu t- .

Nội dung cụ thể của giải pháp này nh- sau:

- Xây dựng kế hoạch đầu t- .

+ Đến năm 2012 phấn đấu cơ bản hoàn thành việc đầu t- xây dựng cơ sở hạ tầng các khu du lịch đã và đang chuẩn bị đầu t- đó là: Khu du lịch Tam Chúc, Bến Thủy, Ngũ Động Sơn, Chùa Bà Đanh, điểm du lịch chùa Long Đọi Sơn. Chuẩn bị lập dự án cho phép đầu t- xây dựng cơ sở hạ tầng một số điểm du lịch làng nghề nh- : Thêu ren An Hoà, mây tre đan Ngọc Động

+ Hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích - u đãi đầu t- thông thoáng, hấp dẫn phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh và pháp luật của Nhà n- ớc, nhằm tạo ra những điều kiện thuận lợi nhất để thu hút các doanh nghiệp, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong n- ớc và n- ớc ngoài đến Hà Nam đầu t- phát triển du lịch.

+ Trong quá trình đầu t- xây dựng cơ sở hạ tầng, trên cơ sở cơ chế chính sách khuyến khích đầu t- , đồng thời tiến hành kêu gọi các Nhà đầu t- có năng lực tài chính và kinh nghiệm trong kinh doanh du lịch bỏ vốn để đầu t- xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho kinh doanh. Việc đầu t- xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ kinh doanh của các doanh nghiệp phải đ- ợc thực hiện theo đúng quy hoạch và dự án đ- ợc duyệt. Nguồn vốn đầu t- trong lĩnh vực này do các nhà đầu t- hoàn toàn chủ động.

- Về nguồn vốn đầu t- .

Tổng mức đầu t- phát triển du lịch đến năm 2012 là rất lớn dự kiến khoảng: 1.100 tỷ đồng (trong đó: Vốn đầu t- CSHT khoảng 500 tỷ, vốn đầu t- CSVCKT kinh doanh khoảng 600 tỷ). Do vậy phải huy động từ nhiều nguồn.

Nguồn vốn Nhà n- ớc bao gồm ngân sách của tỉnh và xin hỗ trợ từ của Trung - ơng, nguồn này dùng chủ yếu để đầu t- xây dựng cơ sở hạ tầng.

Nguồn vốn huy động từ các doanh nghiệp, tổ chức cá nhân chủ yếu tập trung đầu t- xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho kinh doanh của các doanh nghiệp ở các khu, điểm du lịch.

Ngoài ra còn có nguồn vốn đầu t- gián tiếp cho du lịch thông qua việc đầu t- của các ngành có liên quan nh- : Văn hoá, B- u điện, B- u chính viễn thông, Nông nghiệp, Giao thông vận tải..vv.

Giải pháp huy động nguồn vốn đầu t- cần phải thực hiện nh- sau:

Đối với nguồn vốn Ngân sách Nhà n- ớc: UBND tỉnh chỉ đạo Sở Th- ơng mại- Du lịch phối hợp với các ngành tích cực tranh thủ xin hỗ trợ của Trung - ơng, mặt khác hàng năm trích Ngân sách của tỉnh để đầu t- hoặc tạo vốn bằng các nguồn khác có thể vay hoặc huy động các nguồn vốn nhà nước khác để đầu t- trực tiếp cho du lịch.

Ngoài ra còn có nguồn vốn của Nhà n- ớc đầu t- trực tiếp cho các ngành khác nh- ng có thể gián tiếp phục vụ cho phát triển du lịch. Để sử dụng có hiệu quả nguồn vốn này cho phát triển du lịch đề nghị các ngành khi lập dự án đầu t- của ngành nên quan tâm đến cả lợi ích phục vụ du lịch. Ví dụ: Nh- các dự án của ngành Giao thông, Điện lực, B- u chính viễn thông, Nông nghiệp và Văn hoá- Thông tin...

Nguồn vốn của các doanh nghiệp, tổ chức cá nhân trong n- ớc và n- ớc ngoài là rất quan trọng cần thiết cho sự phát triển cả tr- ớc mắt và lâu dài. Bởi chính các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân là những đơn vị trực tiếp tổ chức khai thác nguồn tài nguyên du lịch. Việc huy động và thu hút nguồn vốn này có hiệu quả khi và chỉ khi chúng ta tạo ra đ- ợc môi tr- ờng đầu t- hấp dẫn. Do vậy phải có một cơ chế khuyến khích đầu t- phù hợp, năng động thông thoáng để thu hút các nhà đầu t- .

3.2.2 Quản lý Nhà n- ớc về du lịch

Trong thời gian này, du lịch Hà Nam tập trung đầu t- phát triển là b- ớc đột phá mang tính quyết định, tạo đà cho cả quá trình phát triển lâu dài của ngành. Do vậy, phải tăng c- ờng công tác quản lý Nhà n- ớc về du lịch để giải quyết vấn đề đòi hỏi của thực tiễn, đây là giải pháp quan trọng.

Đối với cơ quan quản lý ngành cần rà soát, đánh giá một cách khoa học nguồn tài nguyên du lịch, tiến hành điều chỉnh quy hoạch tổng thể cho phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của tỉnh và toàn ngành, làm cơ sở cho việc lập các quy hoạch chi tiết và các dự án phát triển. Đồng thời tổ chức triển khai thực hiện và chỉ đạo thực hiện các dự án đầu t- phát triển du lịch đã đ- ợc phê duyệt một cách có hiệu quả.

Thực hiện tốt chức năng tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng các cơ chế chính sách khuyến khích đầu tư, quy chế quản lý, sử dụng nguồn tài nguyên du lịch và quy chế quản lý các khu du lịch, điểm du lịch đã được đầu tư xây dựng, thẩm định các dự án phát triển của ngành.

Tăng cường công tác kiểm tra kiểm sát các hoạt động kinh doanh du lịch trên địa bàn, hướng dẫn và tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế vào đầu tư kinh doanh, tổ chức sản xuất kinh doanh du lịch. Tổ chức bố trí nguồn nhân lực cho toàn ngành từng bước triển khai thực hiện tiêu chuẩn hoá lực lượng lao động.

Phối hợp chặt chẽ với các ngành, các cấp trong tỉnh như: Ngành Văn hoá-Thông tin, giao thông vận tải, Bộ điện và các ngành liên quan phối hợp đầu tư các dự án ở các điểm, khu du lịch và phối hợp với các địa phương có các địa điểm du lịch nằm trong quy hoạch phát triển làm tốt công tác bảo vệ tài nguyên du lịch đã được quy hoạch mà chưa có điều kiện đầu tư khai thác.

Tăng cường quan hệ với du lịch các tỉnh bạn tạo ra không gian du lịch rộng lớn, thiết lập các tour du lịch liên tỉnh đưa sản phẩm du lịch Hà Nam sớm hội nhập với du lịch cả nước.

3.2.3 Quảng bá tuyên truyền và xúc tiến du lịch

Du lịch Hà Nam là một ngành còn rất mới mẻ, ảnh hưởng của ngành đối với đời sống xã hội còn hạn chế nhiều người dân kể cả một số cán bộ địa phương chưa hiểu và nhận thức đầy đủ vai trò của du lịch nói chung và vị trí của du lịch Hà Nam trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nói riêng. Mặt khác, du lịch là một ngành mà hoạt động của nó mang tính xã hội hoá rất cao, mang nội dung văn hoá sâu sắc cho nên vấn đề tuyên truyền giáo dục nhận thức về du lịch cho quảng đại quần chúng có một ý nghĩa rất quan trọng (đặc biệt là những vùng có điểm du lịch).

- Về tuyên truyền giáo dục:

Công tác tuyên truyền giáo dục kiến thức về du lịch phải tiến hành ngay trước khi thực hiện đầu tư xây dựng. Hình thức tuyên truyền giáo dục thông qua các phương tiện thông tin đại chúng qua việc giáo dục trong nhà trường, mở các hội nghị chuyên đề về du lịch ở các địa bàn có điểm du lịch.

Nội dung về tuyên truyền giáo dục cần tập chung vào một số vấn đề:

+ Vai trò và những đặc điểm của du lịch.

- + Ý nghĩa của việc phát triển du lịch ở địa ph- ơng.
- + Ph- ơng pháp và nghệ thuật giao tiếp trong kinh doanh.
- + Ý thức bảo vệ tài nguyên, cảnh quan môi tr- ờng trong các khu, điểm du lịch.
- Công tác quảng bá xúc tiến du lịch:

Là một bộ phận quan trọng trong công tác xúc tiến du lịch nhằm để giới thiệu với mọi ng- ời dân trong n- ớc cũng nh- khách n- ớc ngoài hiểu biết về các điểm du lịch của Hà Nam, những nét đẹp văn hoá của con ng- ời Hà Nam, đây là giải pháp có ý nghĩa quan trọng trong thu hút các nhà đầu t- và phục vụ kinh doanh du lịch.

Hình thức quảng cáo cần tập chung chủ yếu nh- in tập gấp, tờ rơi, xây dựng băng hình, giới thiệu trên các ph- ơng tiện thông tin đại chúng ở cả địa ph- ơng và Trung - ơng. Xây dựng ch- ơng trình du lịch qua màn ảnh nhỏ giới thiệu với ng- ời n- ớc ngoài, xây dựng các biển quảng cáo, biển chỉ dẫn du lịch, bản đồ du lịch...

+ Nội dung quảng cáo: In ấn, giới thiệu tiềm năng du lịch những điểm du lịch, giới thiệu những nét văn hoá độc đáo của Hà Nam và những ch- ơng trình du lịch...

+ Kinh phí quảng cáo: Quảng cáo chung cho toàn ngành đề nghị ngân sách tỉnh cấp hỗ trợ, các cơ sở kinh doanh tự bỏ tiền ra để thực hiện quảng cáo cho đơn vị mình.

3.2.4 Đào tạo bồi d- ỡng nguồn nhân lực du lịch

Nhân tố con ng- ời trong hoạt động quản lý và lao động sản xuất giữ vai trò hết sức quan trọng có tính quyết định chất l- ợng hiệu quả công việc, đặc biệt là lực l- ợng lao động trong ngành du lịch do mang tính đặc thù riêng nên đòi hỏi đội ngũ cán bộ nhân viên phục vụ không những phải giỏi về chuyên môn nghiệp vụ mà còn phải kinh nghiệm trong giao tiếp, ứng xử, hiểu biết rộng về lịch sử văn hoá - xã hội...Cùng với một số điều kiện cơ sở vật chất khác chất l- ợng nguồn nhân lực du lịch giữ vai trò quyết định đến việc nâng cao chất l- ợng của các sản phẩm du lịch. Do vậy cùng với việc đầu t- xây dựng các khu, điểm du lịch cần phải chuẩn bị kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực có đủ năng lực để quản lý, sử dụng và khai thác vận hành trong các hoạt động du lịch.

Công tác đào tạo nguồn nhân lực du lịch cần triển khai thực hiện theo nội dung sau:

- Tổ chức bồi d- ỡng, nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn cho lực l- ợng lao động hiện có của ngành. Về hình thức đào tạo đối t- ợng này có thể bồi d- ỡng tại chỗ hoặc gửi đi học, nghiệp vụ chủ yếu cần đào tạo về kiến thức lễ tân, buồng bàn, bar.

- Việc tuyển dụng mới đội ngũ nhân viên nghiệp vụ yêu cầu phải qua các tr- ờng đào tạo nghiệp vụ du lịch. Đối với các khu du lịch lớn cần thiết phải thuê các chuyên gia quản lý giỏi để quản lý điều hành.

- Cơ quan quản lý Nhà n- ớc hàng năm th- ờng xuyên mở các lớp đào tạo bồi d- ỡng chuyên môn nghiệp vụ, từng b- ớc triển khai áp dụng tiêu chuẩn hoá lực l- ợng lao động chuyên nghiệp trong ngành theo quy định của Tổng cục Du lịch. Đồng thời cần sớm có kế hoạch bồi d- ỡng kiến thức về giao tiếp, ứng xử trong kinh doanh du lịch đối với ng- ời dân bản xứ ở những nơi có các điểm, các khu du lịch.

- Nguồn kinh phí đào tạo đề nghị ngân sách Nhà n- ớc hỗ trợ và các đơn vị kinh doanh du lịch tự đóng góp.

3.2.5 Công tác chỉ đạo lãnh đạo của các cấp, các ngành

Du lịch là một ngành kinh tế tổng hợp có mối quan hệ chặt chẽ với các ngành kinh tế - xã hội, hoạt động mang tính xã hội hoá cao và có nội dung văn hoá sâu sắc. Hoạt động du lịch xét về mặt không gian thì không có danh giới nhất định mà nó có tính liên vùng, liên quốc gia và không có hoạt động du lịch đơn lẻ. Trong quá trình phát triển cũng nh- trong quản lý và hoạt động kinh doanh du lịch nó phụ thuộc nhiều vào khả năng phát triển của các ngành kinh tế xã hội. Tuy nhiên, có tính độc lập t- ợng đối riêng, nh- ng tính phụ thuộc vẫn là nổi trội. Do vậy, tăng c- ờng công tác chỉ đạo lãnh đạo của các cấp các ngành đối với du lịch có một ý nghĩa quan trọng trong quá trình phát triển. Để thực hiện giải pháp này UBND tỉnh cần sớm thành lập Ban chỉ đạo phát triển du lịch của tỉnh để chỉ đạo điều hành những vấn đề phát sinh trong quan hệ phối hợp giữa ngành du lịch với các ngành liên quan và các địa ph- ơng nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp để thúc đẩy du lịch phát triển.

- Đối với ngành Du lịch cần phải chủ động phối hợp với các ngành và chính quyền các địa ph- ơng nơi có các điểm, khu du lịch trong việc xây dựng quy hoạch, kế hoạch, tổ chức triển khai các dự án du lịch và trong quá trình tổ chức kinh doanh cũng nh- việc bảo vệ tài nguyên môi tr- ờng du lịch.

- Đối với các ngành có liên quan cần tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động du lịch phát triển, nên ưu tiên các dự án đầu tư phát triển ngành nh- ng có liên quan và tác động tích cực đến việc phát triển du lịch cụ thể nh- : Phát triển giao thông, b- u điện, cung cấp n- ớc sạch, bảo vệ môi tr- ờng, tôn tạo các di tích văn hoá lịch sử...

- Đối các cấp chính quyền địa ph- ơng ở những nơi có tài nguyên du lịch, điểm khu du lịch cần tăng c- ờng công tác tuyên truyền giáo dục, h- ớng dẫn cho nhân dân địa ph- ơng những kiến thức về du lịch, kinh doanh du lịch, ý thức bảo vệ tài nguyên môi tr- ờng. Cần phối hợp với cơ quan chức năng giữ gìn tốt trật tự an toàn xã hội, bài trừ các tệ nạn xã hội ở các khu du lịch và gìn giữ nét đẹp của văn hoá bản địa.

3.3 Tổ chức thực hiện và kiến nghị

3.3.1 Tổ chức thực hiện

Việc tổ chức thực hiện đề án là một quá trình triển khai một khối l- ợng công việc rất lớn có nhiều khó khăn phức tạp do tính đặc thù của một đề tài phát triển du lịch, nó vừa mang tính chuyên ngành cao vừa mang tính lệ thuộc với nhiều ngành. Do vậy, quá trình tổ chức thực hiện phải đ- ợc tiến hành theo trình tự các b- ớc sau:

B- ớc 1: Phê duyệt đề án

Tổ chức hội thảo lấy ý kiến tham gia của các ngành, ý kiến tham gia của các đồng chí lãnh đạo tỉnh. Sau khi chỉnh lý bổ sung hoàn thiện trình UBND tỉnh phê duyệt chính thức đề án.

B- ớc 2: Thành lập Ban chỉ đạo

Đề nghị UBND tỉnh thành lập Ban chỉ đạo thực hiện đề án d- ới sự chỉ đạo của đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh, các thành viên gồm: Sở Th- ơng Mại – Du lịch và có một số địa ph- ơng, ngành liên quan tham gia. Ban chỉ đạo thực hiện đề án có trách nhiệm kiểm tra đôn đốc trực tiếp giải quyết những vấn đề khó khăn v- ớng mắc liên quan đến các ngành, các cấp.

B- ớc 3: Lập kế hoạch triển khai thực hiện

- Lập kế hoạch triển khai:

Yêu cầu kế hoạch triển khai phải thật chi tiết cụ thể cả về khối l- ợng công việc và tiến độ thực hiện.

- Phân công nhiệm vụ:

Sở Văn hoá Thể thao – Du lịch: Là cơ quan thường trực của Ban chỉ đạo có trách nhiệm xây dựng kế hoạch thực hiện trực tiếp triển khai thực hiện đề án và các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng du lịch. Chủ động phối hợp đầy đủ chức năng quản lý Nhà nước về du lịch trên địa bàn. Chủ động phối hợp chặt chẽ với các ngành, các địa phương để giải quyết công việc có liên quan. Thường xuyên kiểm tra tiến độ, mọi vướng mắc khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện báo cáo kịp thời về Ban chỉ đạo giải quyết.

+ Các Sở, Ngành và các địa phương có liên quan: Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của ngành, các địa phương, trực tiếp giải quyết những vấn đề có liên quan đến việc triển khai đề án như: các thủ tục đầu tư, cơ chế chính sách thực hiện các dự án của ngành có liên quan đến du lịch, quản lý đất đai.

Tài nguyên và môi trường. Ngoài ra còn thực hiện một số công việc khác do Trưởng ban chỉ đạo phân công.

+ Các nhà đầu tư kinh doanh du lịch: Trên cơ sở các quy hoạch, các điều kiện về cơ sở hạ tầng của từng khu, điểm du lịch các Nhà đầu tư nghiên cứu lập các Dự án đầu tư, xây dựng phương án kinh doanh và kế hoạch triển khai thực hiện trình duyệt. Tự chịu trách nhiệm về tài chính và phải chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Nhà nước trong đầu tư xây dựng và tổ chức sản xuất kinh doanh.

3.3.2. Một số ý kiến đề nghị

- Tổng cục Du lịch cần có chiến lược phát triển du lịch lâu dài (2000 - 2020) làm định hướng để các địa phương triển khai xây dựng chiến lược phát triển du lịch của mình phù hợp với quy hoạch chung của cả nước.

- Nhà nước cần phải ban hành những quy định pháp luật một cách đồng bộ, cụ thể để quản lý các hoạt động du lịch. Tổng cục Du lịch ban hành các Thông tư hướng dẫn kịp thời để các địa phương tổ chức thực hiện một cách thống nhất, không để tình trạng Nghị định của Chính phủ có hiệu lực đã lâu nhưng thiếu Thông tư hướng dẫn thực hiện.

- Tổng cục Du lịch đề nghị với Chính phủ, các bộ ban ngành liên quan tạo điều kiện về nguồn vốn Nhà nước cho các địa phương, đặc biệt có địa phương trong vùng phụ cận của du lịch Hà Nội đang còn khó khăn, tạo điều kiện

cho công tác quảng bá du lịch ở các địa ph- ơng, tạo du lịch các địa ph- ơng sớm hội nhập với du lịch cả n- ớc và thế giới.

- UBND tỉnh tập trung chỉ đạo các ngành liên quan hàng năm bố trí nguồn vốn thích hợp đầu t- cho cả du lịch, đồng thời sớm ban hành cơ chế chính sách khuyến khích đầu t- trong lĩnh vực du lịch.

KẾT LUẬN

Du lịch là một ngành kinh tế có tính liên ngành, liên vùng và có tính xã hội hoá cao, vì vậy phát triển du lịch không chỉ là nhiệm vụ của một ngành mà là nhiệm vụ của toàn dân, mọi cấp mọi ngành. Du lịch tỉnh Hà Nam tuy vẫn ở điểm xuất phát nhưng với tiềm năng du lịch văn hoá của mình trong tương lai du lịch tỉnh Hà Nam có thể phát triển mạnh mẽ nếu được sự quan tâm, đầu tư đúng mức của toàn xã hội.

Rất nhiều những vấn đề còn tồn tại trong việc phát triển loại hình du lịch văn hoá tỉnh Hà Nam. Ngành du lịch nói chung và du lịch văn hoá tỉnh Hà Nam nói riêng, đang không ngừng đóng góp vào sự phát triển của ngành kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tăng thu nhập cho ngành dân. Thông qua đề tài phát triển du lịch văn hoá của tỉnh Hà Nam em đã đề ra một số những giải pháp cụ thể để phát triển du lịch văn hoá một cách hiệu quả, phát triển toàn diện và bền vững. Ngành do thời gian có hạn, trình độ bản thân còn hạn chế nên chắc chắn còn nhiều thiếu sót. Em hy vọng các giải pháp cũng như bài luận văn của em được ghi nhận như một sự cố gắng nỗ lực giúp du lịch tỉnh nhà ngày càng phát triển.

Em rất mong nhận được sự chỉ bảo của các thầy cô giáo, các ý kiến đóng góp của các bạn để luận văn của em được hoàn chỉnh hơn.

Em xin chân thành cảm ơn./.

Hà Nam, ngày 16 tháng 5 năm 2009

Sinh viên

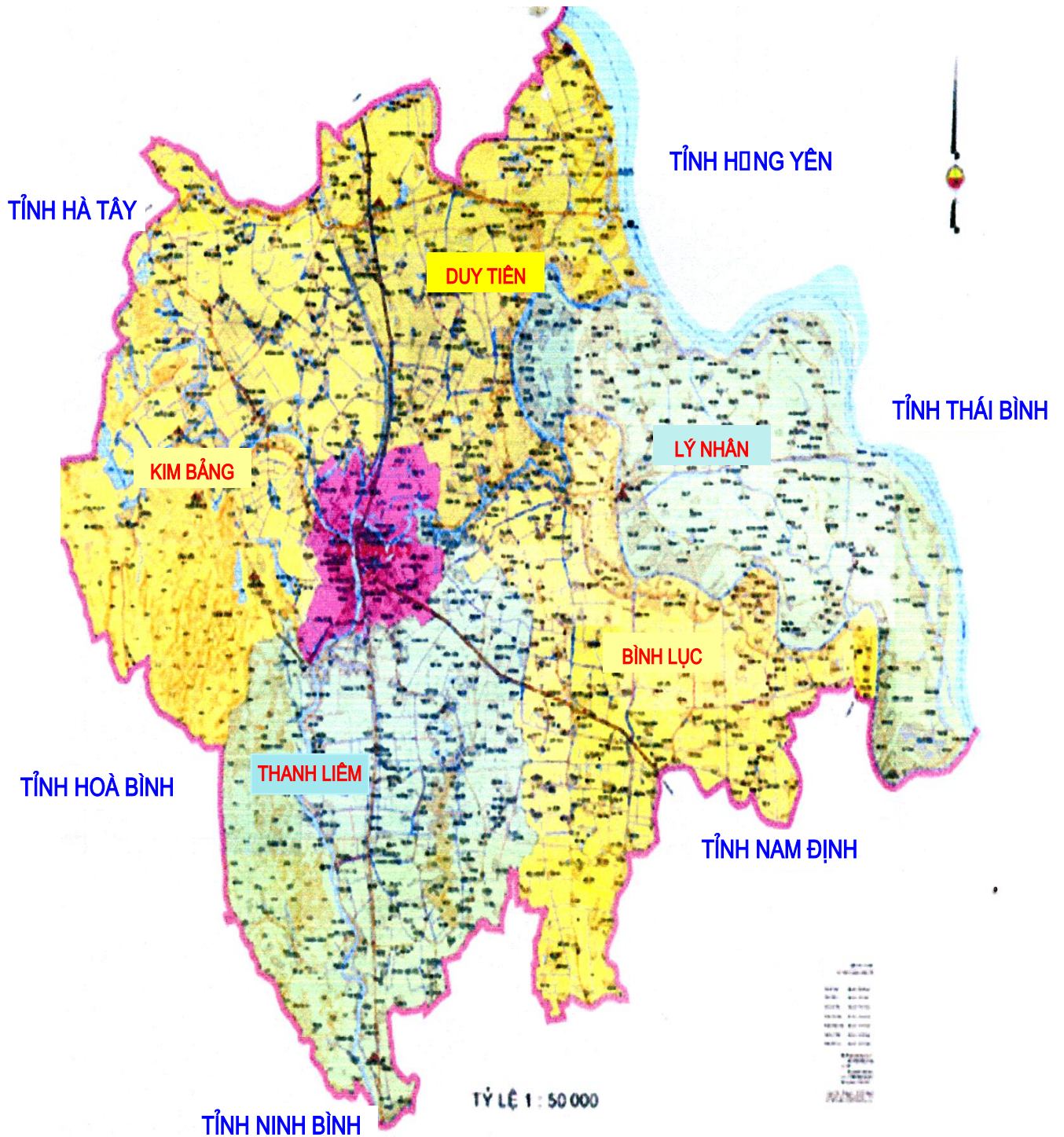
L- ong Thị Tố Uyên

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Ngọc Thêm, *Cơ sở Văn hoá Việt Nam*, NXB GD, 1999
2. Lương Văn Sáu, *Di tích lịch sử - Văn hoá và danh lam thắng cảnh Việt Nam*, NXB ĐHQG Hà Nội, 2008
3. Đinh Trung Kiên, *Một số vấn đề về du lịch Việt Nam*, NXB ĐHQG Hà Nội
4. Đinh Trung Kiên, Bài giảng môn học số 20 “*Văn hoá quản lý và kinh doanh du lịch*”, T12/2005
5. Trần Đức Thanh, *Nhập môn Khoa học du lịch*, NXB ĐHQG Hà Nội, 2003
6. Thế Hùng, *Văn hoá ứng xử*, NXB Văn hoá Thông tin, 2005
7. Luật du lịch 2005.
8. Luật di sản
9. *Lễ hội Hà Nam*, Sở Văn hoá Thể thao và du lịch Hà Nam, NXB Thông Tấn, 2009
10. Báo cáo tổng hợp: Quy hoạch phát triển du lịch của tỉnh Hà Nam 2006 - 2010 và định hướng đến năm 2020, Sở VH TT và DL Hà Nam.
11. *Địa chí Hà Nam*, 2005
12. “*Hà Nam thế và lực trong thế kỷ XXI*”, NXB Chính trị Quốc gia, 2005
13. www.hanam.gov.vn

PHỤ LỤC ẢNH

Phụ lục 1: Bản đồ ranh giới giữa du lịch Hà Nam và các tỉnh lân cận



Phụ lục 2. Di tích lịch sử văn hoá của tỉnh Hà Nam



Trống đồng Ngọc Lũ (Bình Lục – Hà Nam)



Từ đ- ờng Nguyễn Khuyến



Chùa Long Đọi Sơn



Đền Lanh Giang



Đền Trần Thông

Phụ lục 3. Đặc sản - ẩm thực



Bánh cuốn chả Phủ Lý – Hà Nam



Thúng Bánh cuốn



Bánh cuốn là sản phẩm của nông nghiệp



Chuối ngự Đại Hoàng - Lý Nhân (Hà Nam)



Bát dưa cà pháo đậm vị quê hương



Canh cá diếc



Cơm gạo tám ăn với chả quế...

Phụ lục 4. Làng nghề thủ công truyền thống



Nghề dũa ở An Đô – Bình Lục – Hà Nam

Những hình ảnh về làng trống Đọi Tam



Chiếc trống lớn đã hoàn thành



Làm tang trống



B- ng mặt trống



Tang trống đã đ- ợc ghép



Ghép tang trống



Làm tang trống



Ghép tang trống

Những hình ảnh về làng mây tre đan Ngọc Động



Làng hoa Phù Vân

Chỉ cách trung tâm TP. Phủ Lý chừng 6km, đi về phía nam xã Phù Vân – TP. Phủ Lý – Hà Nam, ng-ời ta dễ dàng nhận ra làng hoa Phù Vân với những cánh đồng hoa trải dài.



Trên cánh đồng hoa Phù Vân



Những bông hoa thi nhau đua sắc



Trông hoa cũng vất vả lắm



Cả ngày ở ngoài v- ườn



Hứa hẹn một mùa hoa bội thu





Đ- ờng vào Nha Xá hôm nay



Một góc x- ởng dệt



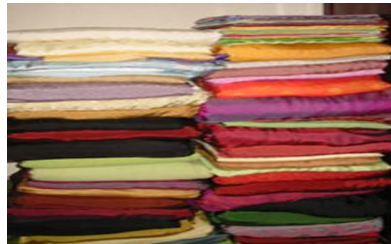
Mẫu vải lụa 3



Có thể thấy cảnh này ở mọi nhà Toàn cảnh một x- ởng dệt Nhà cửa làng dệt ngày càng khang trang



Dệt lụa hoa lớn ngày càng nhiều



Sản phẩm chờ xuất hàng



X- ởng dệt quy mô



Những súc lụa vừa dệt xong Lụa đ- ợc dệt với nhiều màu sắc và hoa văn Nh- ơng cũng có vài gia đình chỉ có một vài khung dệt



Tơ đã đ- ợc chuẩn bị sẵn sàng Mẫu vải lụa 1 Giám đốc Công ty TNHH Vân Hiến

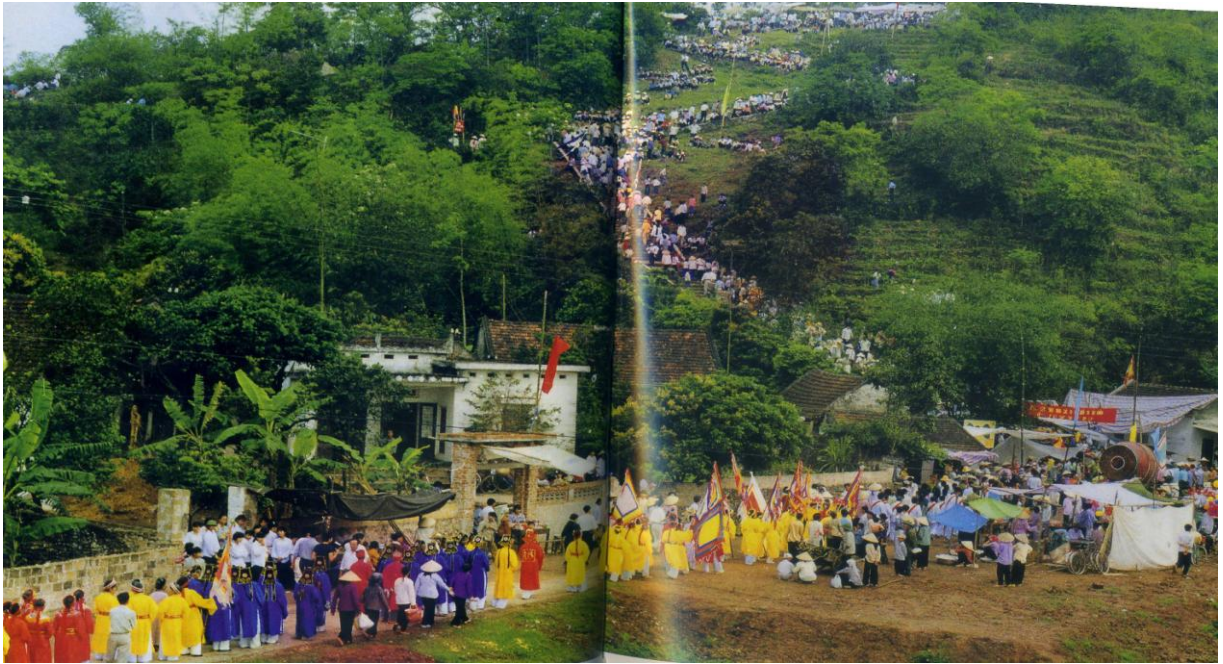


Một cảnh trong x- ởng dệt



Mẫu vải lụa

Phụ lục 5. Lễ hội truyền thống Hà Nam



Lễ hội Chùa Long Đọi Sơn



Lễ hội Chùa Trúc

6. Ca múa nhạc truyền thống



Hát Châu Văn



Đoạn trích trong vở chèo “Trầu Cau”

